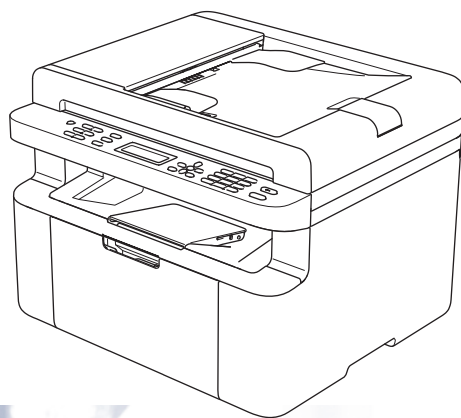


# Hướng dẫn sử dụng

DCP-1510  
DCP-1511  
MFC-1810  
MFC-1811  
MFC-1815





# Số điện thoại Brother

## QUAN TRỌNG

---

Để được trợ giúp kỹ thuật và vận hành, bạn phải liên hệ tại nơi bạn mua máy. Cuộc gọi phải được thực hiện **từ** quốc gia đó.

---

### Đăng ký sản phẩm của bạn

Vui lòng hoàn tất Đăng ký Bảo hành Brother hoặc để thuận tiện cho bạn và là cách hiệu quả nhất để đăng ký sản phẩm mới của bạn hãy đăng ký trực-tuyến tại

<http://www.brother.com/registration/>

### Câu hỏi thường gặp (FAQ)

Brother Solutions Center là kho tài nguyên tổng-hợp của chúng tôi cho tất cả nhu cầu về máy của bạn. Bạn có thể tải xuống driver, phần mềm và tiện ích mới nhất, tham khảo các câu hỏi thường gặp (FAQ) và gợi ý khắc phục sự cố để tìm hiểu cách sử dụng sản phẩm Brother của bạn một cách hiệu quả nhất.

<http://solutions.brother.com/>

Bạn có thể cập nhật driver của sản phẩm Brother ở đây.

### Dịch vụ khách hàng

Truy cập <http://www.brother.com/> để biết thông tin liên hệ về văn phòng Brother tại địa phương.

#### Địa chỉ Internet

Trang web toàn cầu của Brother: <http://www.brother.com/>

Đối với Câu hỏi thường gặp (FAQ), Câu hỏi kỹ thuật và hỗ trợ sản phẩm, và Bản cập nhật trình điều khiển và Tiện ích: <http://solutions.brother.com/>

©2013 Công ty Brother Industries. Bảo lưu mọi quyền.

# Hướng dẫn sử dụng và nơi tìm?

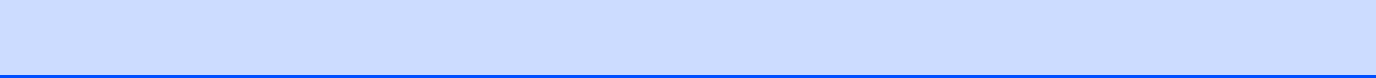
Hướng dẫn nào?	Có gì trong đó?	Nó nằm ở đâu?
<b>Hướng dẫn về an toàn sản phẩm</b>	Đọc Sách hướng dẫn này trước. Vui lòng đọc Hướng dẫn an toàn trước khi bạn cài đặt máy. Xem Sách hướng dẫn này để biết các nhãn hiệu và giới hạn pháp lý.	In / Trong hộp
<b>Hướng dẫn cài đặt nhanh</b>	Làm theo hướng dẫn để thiết lập máy, cài đặt trình điều khiển, phần mềm cho hệ điều hành và loại kết nối bạn đang sử dụng.	In / Trong hộp
<b>Hướng dẫn sử dụng</b>	Tìm hiểu các thao tác Fax (chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815), Quét và Phô tô. Xem các gợi ý khắc phục sự cố và thông số kỹ thuật của máy.	(Chỉ Windows®) Tập tin PDF / CD-ROM / Trong hộp
<b>Hướng dẫn sử dụng phần mềm</b>	Làm theo các hướng dẫn sau cho In, Quét, Thiết lập từ xa (chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815), PC-Fax (chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815), và sử dụng tiện ích Brother ControlCenter.	(Chỉ Windows®) Tập tin PDF / CD-ROM tài liệu / Trong hộp

# Mục lục

<b>1</b>	<b>Thông tin chung</b>	<b>1</b>
	Sử dụng tài liệu .....	1
	Các ký hiệu và quy ước được sử dụng trong tài liệu này .....	1
	Truy cập Brother Utilities (Windows® 8) .....	2
	Truy cập Hướng dẫn sử dụng phần mềm .....	2
	Xem tài liệu .....	2
	Tổng quan về bảng điều khiển .....	4
	Menu và các tính năng của các model MFC .....	7
	Lập trình trên màn hình .....	7
	Bảng Menu .....	8
	0. Cài đặt ban đầu .....	9
	1. Cài đặt chung .....	11
	2. Fax .....	13
	3. Phô tô .....	18
	4. Máy in .....	19
	5. In báo cáo .....	20
	6. Thông tin máy .....	21
	Menu và các tính năng của các model DCP .....	22
	Lập trình trên màn hình .....	22
	Bảng Menu .....	23
	1. Cài đặt chung .....	23
	2. Phô tô .....	25
	3. Máy in .....	26
	4. Thông tin máy .....	26
	Nhập văn bản (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815) .....	28
	Các tính năng sinh thái .....	29
	Chế độ Ngủ sâu .....	29
	Tự động Tắt nguồn (chỉ DCP-1510 và DCP-1511) .....	29
	Thiết lập mực in .....	29
	Thiết lập mực in (Chế độ Tiếp tục) .....	29
	Nhận fax ở Chế độ Tiếp tục (chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815) .....	30
<b>2</b>	<b>Thiết lập giấy</b>	<b>31</b>
	Thiết lập giấy .....	31
	Loại giấy .....	31
	Khổ giấy .....	31
	Giấy được chấp nhận .....	32
	Sức chứa giấy của khay giấy .....	32
<b>3</b>	<b>Nạp tài liệu</b>	<b>33</b>
	Cách nạp tài liệu .....	33
	Sử dụng bộ nạp tài liệu tự động (ADF) (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815) .....	33
	Sử dụng kính máy quét .....	33

<b>4</b>	<b>Gửi fax (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)</b>	<b>35</b>
	Cách gửi fax .....	35
	Hủy tác vụ fax đang diễn ra .....	35
	Quảng bá .....	35
<b>5</b>	<b>Nhận fax (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)</b>	<b>37</b>
	Các chế độ nhận.....	37
	Chọn chế độ nhận .....	37
	Thiết lập Chế độ nhận .....	38
	Thời gian đổ chuông.....	38
	Thời gian đổ chuông F/T (chỉ chế độ Fax/Tel).....	38
	Fax Detect .....	38
<b>6</b>	<b>Quay số và lưu số (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)</b>	<b>40</b>
	Lưu số.....	40
	Lưu số Quay số nhanh .....	40
	Thay đổi hoặc xóa số Quay số nhanh .....	40
	Cách quay số.....	41
	Quay số thủ công .....	41
	Quay số nhanh .....	41
	Tìm kiếm .....	41
	Quay số lại.....	41
	ID Người gọi (Chỉ MFC-1810 và MFC-1815).....	41
<b>7</b>	<b>Sử dụng PC-FAX (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)</b>	<b>43</b>
	PC-FAX Receive (Chỉ đối với Windows®) .....	43
	PC-FAX sending .....	45
	Gửi tệp dưới dạng PC-FAX.....	45
<b>8</b>	<b>Điện thoại và thiết bị gắn ngoài (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)</b>	<b>47</b>
	Thao tác thoại (chỉ MFC-1815) .....	47
	Thực hiện cuộc gọi điện thoại .....	47
	Tạm dừng .....	47
	Kết nối TAD gắn ngoài (chỉ MFC-1810 và MFC-1811).....	47
	Kết nối .....	47
	Ghi âm lời nhắn đi (OGM) .....	48
	Kết nối nhiều đường-dây (PABX).....	48
	Điện thoại gắn ngoài và điện thoại nhánh .....	49
	Kết nối điện thoại gắn ngoài hoặc điện thoại nhánh.....	49
	Chỉ dành cho chế độ Fax/Tel.....	49
	Sử dụng điện thoại gắn ngoài không dây không phải-của Brother .....	49

<b>9</b>	<b>Phô tô</b>	<b>50</b>
	Cách phô tô .....	50
	PHÔ TÔ THẺ ID .....	51
	Phô tô thẻ ID hai mặt.....	51
	Phô tô thẻ ID một mặt.....	52
	Các tùy chọn phô tô khác .....	53
<b>10</b>	<b>Cách quét vào máy tính</b>	<b>55</b>
	Quét tài liệu dưới dạng tập tin PDF bằng cách sử dụng ControlCenter4 .....	55
	Quét bằng cách sử dụng phím SCAN .....	58
	Thiết lập phím SCAN.....	58
<b>A</b>	<b>Khắc phục sự cố và thông tin khác</b>	<b>60</b>
	Các mục tiêu hao.....	60
	Xác định vấn đề của bạn .....	61
	Thông báo lỗi và bảo dưỡng .....	62
	Nếu bạn đang gặp vấn đề với máy.....	64
	Các vấn đề Điện thoại và Fax (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815) .....	64
	Cải thiện chất lượng in .....	66
	Kẹt tài liệu (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815).....	71
	Kẹt giấy.....	72
	Truyền fax hoặc báo cáo Nhật ký fax (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)....	74
	Truyền fax đến một máy fax khác .....	74
	Truyền fax đến máy tính.....	74
	Truyền báo cáo Nhật ký fax đến một máy fax khác .....	75
	Vệ sinh và Kiểm tra máy.....	75
<b>B</b>	<b>Thông số kỹ thuật</b>	<b>76</b>
	Tổng quan .....	76
	Khô tài liệu .....	78
	Vật liệu in .....	79
	Fax.....	80
	Phô tô .....	81
	Máy quét.....	82
	Máy in .....	83
<b>C</b>	<b>Chỉ mục</b>	<b>84</b>





## Sử dụng tài liệu

Cảm ơn bạn đã sử dụng sản phẩm Brother của bạn một cách hiệu quả nhất.

## Các ký hiệu và quy ước được sử dụng trong tài liệu này

Các ký hiệu và quy ước sau được sử dụng xuyên suốt tài liệu này.

### CẢNH BÁO

**CẢNH BÁO** cho biết một tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến chết người hoặc thương tích nghiêm trọng.

### QUAN TRỌNG

**QUAN TRỌNG** cho biết một tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thiệt hại cho tài sản hoặc hỏng sản phẩm.

### LƯU Ý

Các Lưu ý cho bạn biết cách phản ứng với một tình huống có thể xảy ra hoặc đưa ra gợi ý về thao tác hiện tại hoạt động như thế nào với các tính năng khác.



Biểu tượng Cấm biểu thị hành động không được thực hiện.



Biểu tượng Nguy hiểm điện cảnh báo bạn về sốc điện có thể xảy ra.



Biểu tượng Bề mặt nóng cảnh báo bạn không được chạm vào các bộ phận đang nóng của máy.



Biểu tượng Nguy hiểm hỏa hoạn cảnh báo bạn về nguy cơ hỏa hoạn.

**In đậm** Chữ in đậm xác định các phím trên bảng điều khiển của máy hoặc trên màn hình máy tính.

**In nghiêng** Chữ in nghiêng nhấn mạnh một điểm quan trọng hoặc giới thiệu với bạn một chủ đề liên quan.

**Courier New** Phong chữ Courier New xác định các thông báo được hiển thị trên màn hình LCD của máy.

Tuân theo tất cả các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên sản phẩm.

### LƯU Ý

Hầu hết các hình minh họa trong Hướng dẫn sử dụng này đều thể hiện model MFC-1810.

## Truy cập Brother Utilities (Windows® 8)

Nếu bạn sử dụng máy tính bảng chạy Windows® 8, bạn có thể thực hiện lựa chọn bằng cách chạm vào màn hình hoặc bấm bằng chuột.

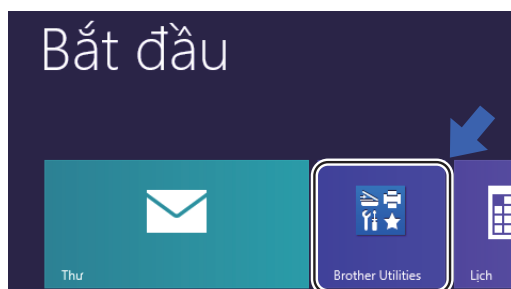
Sau khi trình điều khiển máy in được cài đặt,



(**Brother Utilities**) xuất hiện ở cả

màn hình Bắt đầu và màn hình desktop.

- 1 Chạm hoặc bấm vào **Brother Utilities** trên màn hình Bắt đầu hoặc màn hình desktop.



- 2 Chọn máy của bạn.



- 3 Chọn chức năng bạn muốn sử dụng.

## Truy cập Hướng dẫn sử dụng phần mềm

Hướng dẫn sử dụng này không chứa tất cả thông tin về máy như cách sử dụng các tính năng nâng cao cho Máy in, Máy fax và PC-Fax<sup>1</sup>. Khi bạn đã sẵn sàng tìm hiểu thông tin chi tiết về các thao tác này, hãy đọc Hướng dẫn sử dụng phần mềm trên CD-ROM tài liệu dành cho người dùng Windows®.

Người dùng Macintosh có thể đọc Hướng dẫn sử dụng phần mềm bằng cách tải xuống từ Brother Solutions Center (<http://solutions.brother.com/>).

<sup>1</sup> MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815

## Xem tài liệu


### Xem tài liệu (Windows®)

(Windows® 7/Windows Vista®/Windows® XP)

Để xem tài liệu, từ menu  (**Bắt đầu**),

**All Programs (Tất cả chương trình)**, chọn **Brother, MFC-XXXX** hoặc **DCP-XXXX** (trong đó XXXX là tên model của bạn) từ danh sách chương trình, sau đó chọn **Hướng dẫn sử dụng**.


(Windows® 8)

Bấm  (**Brother Utilities**), sau đó bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Hỗ trợ** trong thanh điều hướng bên trái, sau đó bấm **Hướng dẫn sử dụng**.

Nếu bạn chưa cài đặt phần mềm, bạn có thể tìm thấy tài liệu trên CD-ROM tài liệu bằng cách làm theo các hướng dẫn bên dưới:

1. Bật máy tính của bạn. Đưa CD-ROM tài liệu vào ổ đĩa CD-ROM.

## LƯU Ý

Nếu màn hình Brother không xuất hiện, đi đến **Computer (Máy Tính) (My Computer)**. (Đối với Windows® 8: Bấm vào biểu tượng  (**File Explorer**) trên thanh tác vụ, sau đó đi đến **Computer (Máy Tính)**.) Bấm đúp vào biểu tượng CD-ROM, sau đó bấm đúp **start.exe**.

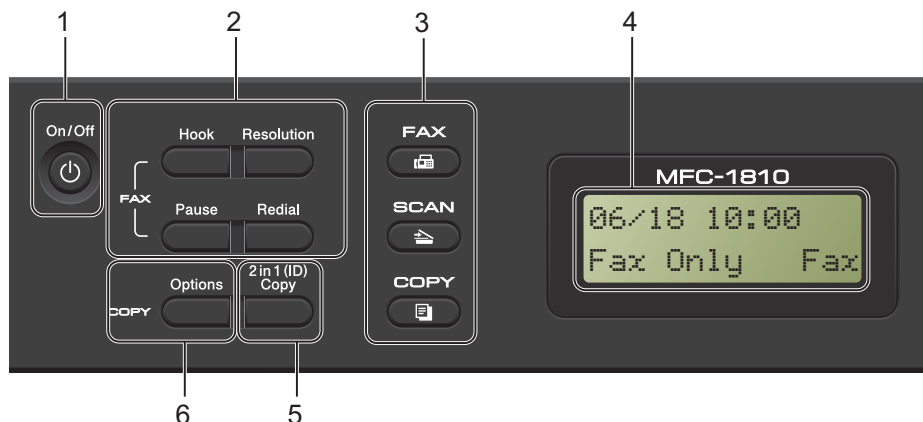
2. Nếu màn hình tên model xuất hiện, bấm vào tên model của bạn.
3. Nếu màn hình ngôn ngữ xuất hiện, bấm vào ngôn ngữ của bạn. Menu trên cùng của CD-ROM sẽ xuất hiện.





4. Bấm **Hướng dẫn sử dụng**.
5. Bấm **Tài liệu PDF/HTML**. Nếu màn hình quốc gia xuất hiện, chọn quốc gia của bạn, sau đó bấm vào tài liệu bạn muốn đọc.

# Tổng quan về bảng điều khiển

Các hình minh họa bảng điều khiển trong Hướng dẫn sử dụng này đều thể hiện model MFC-1810.



## 1 On/Off (Bật/Tắt)

Bấm  để bật máy. Bấm và giữ  để tắt máy.

## 2 Hook (Móc) (Chỉ MFC-1810 và MFC-1811) hoặc Hook/Hold (Móc/Giữ) (Chỉ MFC-1815)

Bấm trước khi quay số nếu bạn muốn đảm bảo rằng máy fax sẽ trả lời, sau đó bấm **Start (Bắt đầu)**.

(Chỉ MFC-1815)

Cho phép bạn tạm dừng cuộc gọi điện thoại.

### Redial (Quay số lại)

Bạn có thể quay số lại 20 số đã gọi mới nhất.

### Pause (Tạm dừng)

Tạm dừng 3,5 giây khi lập trình các số quay nhanh hoặc khi quay số thủ công.

### Resolution (Độ phân giải)

Đặt độ phân giải khi gửi fax.

## 3 Các phím chế độ:

### FAX (FAX)

Đưa máy về chế độ FAX. Chế độ fax là chế độ mặc định.

### SCAN (QUÉT)

Đưa máy về chế độ SCAN (QUÉT).

### COPY (PHÔ TÔ)

Đưa máy về chế độ COPY (PHÔ TÔ).

## 4 LCD

Hiện thị thông báo giúp bạn thiết lập và sử dụng máy.

## 5 2 in 1 (ID) Copy (Phô tô 2 trong 1 (thẻ ID))

Bạn có thể phô tô cả hai mặt của thẻ nhận dạng lên một trang giấy với khổ gốc.

## 6 Options (Tùy chọn)

Bạn có thể nhanh chóng và dễ dàng chọn các thiết lập tạm thời để phô tô.



**7 Các phím Menu:**

**Clear (Xóa)**

Xóa dữ liệu đã nhập hoặc cho phép bạn hủy thiết lập hiện tại.

**Menu**

Cho phép bạn truy cập Menu để lập trình các thiết lập của bạn trong máy.

**OK**

Cho phép bạn lưu các thiết lập và xác nhận các thông báo trên màn hình LCD vào máy.

**Các phím Âm lượng:**

◀ hoặc ▶

Bấm để cuộn lùi hoặc tiến qua các lựa chọn menu. Bấm để thay đổi âm lượng khi ở chế độ fax hoặc chế độ chờ.

▲ hoặc ▼

Bấm để cuộn qua các menu và tùy chọn.

**Address Book (Sổ Địa chỉ)**

Cho phép bạn truy cập trực tiếp các số quay nhanh.

**8 Bàn phím**

Sử dụng các phím này để quay số điện thoại và số fax và làm bàn phím để nhập thông tin vào máy.

(Chỉ MFC-1815)

Phím # tạm thời chuyển chế độ quay số từ Xung sang Âm trong khi gọi điện thoại.

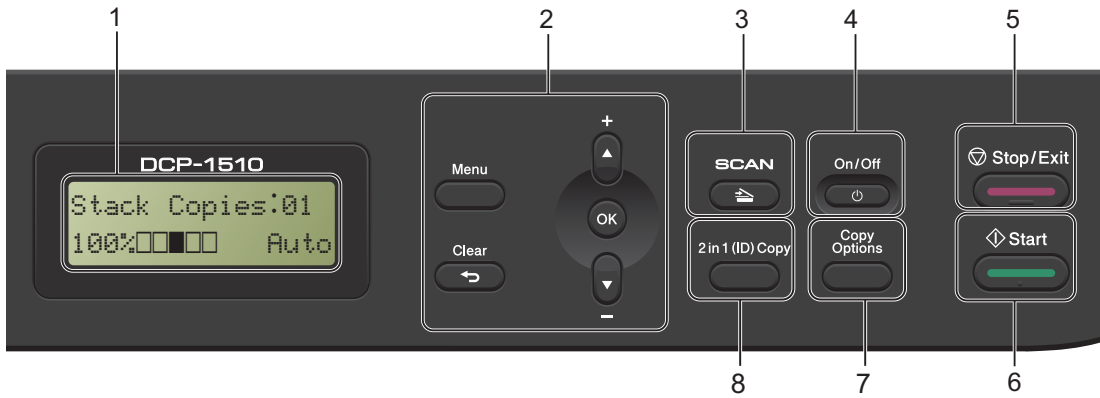
**9 Stop/Exit (Dừng/Thoát)**

Dừng một thao tác hoặc thoát khỏi một menu. Bấm phím này để hủy thao tác in.

**10 Start (Bắt đầu)**

Cho phép bạn bắt đầu gửi fax, quét hoặc phôtô.

**DCP-1510 và DCP-1511**



**1 LCD**

Hiển thị thông báo giúp bạn thiết lập và sử dụng máy.

**2 Các phím Menu:**

**Menu**

Cho phép bạn truy cập Menu để lập trình các thiết lập của bạn trong máy.

**Clear (Xóa)**

Xóa dữ liệu đã nhập hoặc cho phép bạn hủy thiết lập hiện tại.

**OK**

Cho phép bạn lưu các thiết lập và xác nhận các thông báo trên màn hình LCD vào máy.



▼ hoặc ▲

Bấm để cuộn qua các menu và tùy chọn.

**3 SCAN (QUÉT)**

Đưa máy về chế độ SCAN (QUÉT).

**4 On/Off (Bật/Tắt)**

Bấm  để bật máy. Bấm và giữ  để tắt máy.

**5 Stop/Exit (Dừng/Thoát)**

Dừng một thao tác hoặc thoát khỏi một menu. Bấm phím này để hủy thao tác in.

**6 Start (Bắt đầu)**

Cho phép bạn bắt đầu phô tô hoặc quét.

**7 Copy Options (Tùy chọn phô tô)**

Bạn có thể nhanh chóng và dễ dàng chọn các thiết lập tạm thời để phô tô.

**8 2 in 1 (ID) Copy (Phô tô 2 trong 1 (thẻ ID))**

Bạn có thể phô tô cả hai mặt của thẻ nhận dạng lên một trang giấy với khổ gốc.

# Menu và các tính năng của các model MFC

## Lập trình trên màn hình

Máy của bạn đã được thiết kế sao cho dễ sử dụng. Màn hình LCD cho phép lập trình trên màn hình bằng các phím menu.

### Cách truy cập chế độ menu

- 1 Bấm **Menu**.
  - 2 Chọn một tùy chọn.
    - Bấm **0** cho menu *Initial Setup* (Cài đặt ban đầu).
    - Bấm **1** cho menu *General Setup* (Cài đặt chung).
    - Bấm **2** cho menu *Fax* (Fax).
    - Bấm **3** cho menu *Copy* (Phô tô).
    - Bấm **4** cho menu *Printer* (Máy in).
    - Bấm **5** cho menu *Print Reports* (In báo cáo).
    - Bấm **6** cho menu *Machine Info.* (Thông tin máy).
    - Bấm **9** cho menu *Service* (Dịch vụ).<sup>1</sup>
- <sup>1</sup> Menu này sẽ chỉ xuất hiện khi màn hình LCD hiển thị thông báo lỗi.
- Bạn cũng có thể cuộn qua từng cấp menu bằng cách bấm **▲** hoặc **▼** cho hướng bạn muốn.
- 3 Bấm **OK** khi tùy chọn bạn muốn xuất hiện trên màn hình LCD. Sau đó màn hình LCD sẽ hiển thị cấp menu tiếp theo.
  - 4 Bấm **▲** hoặc **▼** để cuộn đến lựa chọn menu tiếp theo của bạn.

- 5 Bấm **OK**. Khi bạn đã thiết lập xong một tùy chọn, màn hình LCD sẽ hiển thị *Accepted* (Chấp nhận).
- 6 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)** để thoát chế độ Menu.

## Bảng Menu

Sử dụng bảng menu, bạn có thể thay đổi các thiết lập trong máy bằng cách bấm các phím số hoặc ▲ và ▼ và **OK**.

Bấm **Menu**, sau đó tùy theo những gì hiển thị trên màn hình LCD, bấm các phím số hoặc ▲ và ▼ để tô sáng các tùy chọn menu khác nhau. Bấm **OK** để chọn một tùy chọn.

Trong ví dụ bên dưới, thiết lập âm lượng chuông được thay đổi từ **Med** (Trung bình) thành **Low** (Thấp).

### 1. General Setup (Cài đặt chung)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn
3. Volume (Âm lượng)	1. Ring (Nhạc chuông)	Điều chỉnh âm lượng chuông.	Low (Thấp) Med (Trung bình) * High (Cao) Off (Tắt)

- 1 Bấm **Menu**.
- 2 Bấm **1** để chọn General Setup (Cài đặt chung).
- 3 Bấm **3** để chọn Volume (Âm lượng).
- 4 Bấm **1** để chọn Ring (Nhạc chuông).
- 5 Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị Low (Thấp).
- 6 Bấm **OK**.
- 7 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



## 0.Cài đặt ban đầu

### 0.Initial Setup (Cài đặt ban đầu)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
1.Receive Mode (Chế độ nhận)	—	Bạn có thể chọn chế độ nhận phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.	Fax Only (Chỉ Fax) *	Máy của bạn tự động trả lời mọi cuộc gọi như máy fax. Fax Only (Chỉ Fax) được hiển thị trên màn hình LCD khi được đặt.	37
			Fax/Tel (Fax/ĐT)	Máy của bạn kiểm soát đường dây và tự động trả lời mọi cuộc gọi. Nếu cuộc gọi không phải là fax, điện thoại sẽ đổ chuông để bạn nhận cuộc gọi. Fax/Tel (Fax/ĐT) được hiển thị trên màn hình LCD khi được đặt.	
			External TAD (TAD gắn ngoài) (MFC-1810 và MFC-1811)	Thiết bị trả lời của điện thoại gắn ngoài (TAD) tự động trả lời mọi cuộc gọi. Thông báo thoại được lưu trên TAD gắn ngoài. Thông báo fax được in tự động. External TAD (TAD gắn ngoài) được hiển thị trên màn hình LCD khi được đặt.	
			Manual (Thủ công)	Bạn kiểm soát đường dây điện thoại và phải tự trả lời mọi cuộc gọi. Manual (Thủ công) được hiển thị trên màn hình LCD khi được đặt.	
2.Date&Time (Ngày&Giờ)	1.Date&Time (Ngày&Giờ)	Đặt ngày và giờ trên màn hình LCD và trong tiêu đề của bản fax bạn gửi nếu bạn thiết lập ID trạm.	Year: (Năm:)	Nhập hai chữ số cuối của năm. (ví dụ: Nhập 1, 3 cho năm 2013.)	
			Month: (Tháng:)	Nhập hai chữ số cho tháng. (ví dụ: Nhập 0, 1 cho tháng 1.)	
			Day: (Ngày:)	Nhập hai chữ số cho ngày. (ví dụ: Nhập 0, 1 cho ngày 1.)	
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 0.Initial Setup (Cài đặt ban đầu) (tiếp tục)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
2.Date&Time (Ngày&Giờ) (Tiếp)	1.Date&Time (Ngày&Giờ) (Tiếp)		Time: (Giờ:)	Nhập giờ ở định dạng 24 giờ. (ví dụ: Nhập 1, 5, 2, 5 cho 15:25.)	
	2.Daylight Save (Tiết kiệm ánh sáng ban ngày)	Đặt để máy thay đổi sang Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày.	On (Bật)	Thao tác này sẽ đặt lại thời gian tiến lên một giờ.	
			Off (Tắt)	Thao tác này sẽ đặt lại thời gian lùi xuống một giờ.	
3.Station ID (ID Trạm)	—	Cài đặt tên và số fax của bạn để xuất hiện trên mỗi trang bạn fax.	Fax: (Fax:)	Nhập số fax của bạn (tối đa 20 số).	
			Tel: (ĐT:)	Nhập số điện thoại của bạn (tối đa 20 số). Nếu số điện thoại và số fax của bạn giống nhau, nhập lại cùng một số.	
			Name: (Tên:)	Nhập tên của bạn (tối đa 20 ký tự).	28
4.Tone/Pulse (Âm/Xung)	—	Chọn chế độ quay số.	Tone (Âm)*	Máy của bạn đi kèm với thiết lập cho dịch vụ quay số Âm.	
			Pulse (Xung)	Nếu bạn có dịch vụ quay số Xung (xoay), bạn cần thay đổi chế độ quay số.	
5.Dial Tone (Âm quay số)	—	Bạn có thể rút ngắn thời gian tạm dừng phát hiện âm quay số.	Detection (Phát hiện)	Máy của bạn sẽ quay số ngay khi phát hiện được âm quay số.	
			No Detection (Không phát hiện thấy)*	Khi bạn gửi fax tự động, theo mặc định, máy của bạn sẽ chờ một khoảng thời gian cố định trước khi bắt đầu quay số.	
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 0.Initial Setup (Cài đặt ban đầu) (tiếp tục)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
6.Dial Prefix (Tiền tố quay số)	—	Đặt một số tiền tố sẽ luôn được thêm trước số fax mỗi lần bạn quay số.	—	Nhập số tiền tố (tối đa 5 chữ số) trên bàn phím quay số rồi bấm <b>OK</b> .  Thiết đặt tiền tố quay số sẽ tự động quay số được xác định sẵn trước mỗi số fax bạn quay. Ví dụ: Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu số 9 để quay số bên ngoài, thiết đặt này sẽ tự động quay số 9 cho mọi bản fax bạn gửi.	
7.Reset (Đặt lại)	1.Address & Fax (Địa chỉ & Fax)	Khôi phục tất cả các số điện thoại và thiết lập fax đã lưu.	1.Reset (Đặt lại)		
			2.Exit (Thoát)	Hủy khôi phục và thoát khỏi menu.	
	2.All Settings (Tắt cả thiết lập)	Khôi phục tất cả các thiết lập của máy về thiết lập mặc định của nhà sản xuất.	1.Reset (Đặt lại)		
			2.Exit (Thoát)	Hủy khôi phục và thoát khỏi menu.	
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 1.Cài đặt chung

### 1.General Setup (Cài đặt chung)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
1.Mode Timer (Bộ hẹn giờ chế độ)	—	Bạn có thể đặt khoảng thời gian máy chờ sau thao tác Phô tô hoặc Quét cuối cùng trước khi quay lại chế độ Fax.	0 Sec (Giây)	Quay lại chế độ fax ngay lập tức.	
			30 Secs (Giây)		
			1 Min (Phút)		
			<b>2 Mins (Phút)*</b>		
			5 Mins (Phút)	Máy sẽ giữ nguyên chế độ bạn đã sử dụng mới nhất.	
			Off (Tắt)		
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 1. General Setup (Cài đặt chung) (tiếp tục)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
2. Paper (Giấy)	1. Paper Type (Loại giấy)		Plain (Thường) * Recycled Paper (Giấy tái chế)		31
	2. Paper Size (Khổ giấy)	Đặt khổ giấy trong khay giấy.	A4* Letter Legal Folio		31
3. Volume (Âm lượng)	1. Ring (Nhạc chuông)	Điều chỉnh âm lượng chuông.	Low (Thấp) Med (Trung bình) * High (Cao) Off (Tắt)		
	2. Beeper (Còi bóp)	Khi còi bóp bật, máy sẽ kêu bóp khi bạn bấm một phím, nhập nhằm hoặc sau khi bạn gửi hoặc nhận fax.	Low (Thấp) Med (Trung bình) * High (Cao) Off (Tắt)		
	3. Speaker (Loa)	Điều chỉnh âm lượng loa.	Low (Thấp) Med (Trung bình) * High (Cao) Off (Tắt)		
4. Ecology (Sinh thái)	1. Toner Save (Tiết kiệm Mực in)	Bạn có thể tiết kiệm mực in bằng tính năng này.	On (Bật)	Tăng hiệu suất trang của hộp mực. Khi bạn đặt Toner Save (Tiết kiệm Mực in) là On (Bật), bản in sẽ nhạt hơn.	
			Off (Tắt) *		
5. LCD Contrast (Độ tương phản màn hình LCD)	—	Điều chỉnh độ tương phản của màn hình LCD.	-□□□■+ -□□□■+ -□□■□+* -□■□□+ -■□□□+	Bấm ► để làm màn hình LCD tối hơn. Hoặc bấm ◀ để làm màn hình LCD sáng hơn.	
6. Scan Size (Kích thước quét)	—	Điều chỉnh vùng quét theo khổ tài liệu.	A4* Letter		
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 1.General Setup (Cài đặt chung) (tiếp tục)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
7.Replace Toner (Thay thế Mực in)	—	Đặt để máy tiếp tục hoặc dừng in sau khi màn hình LCD hiển thị Replace Toner (Thay thế Mực in).	Continue (Tiếp tục)	Máy sẽ tiếp tục in. Thay hộp mực bằng hộp mực mới sau khi màn hình LCD hiển thị Toner Ended (Mực in đã hết).	29
			Stop (Dừng)*	Máy sẽ dừng in. Thay hộp mực bằng hộp mực mới.	
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 2.Fax

### 2.Fax (Fax)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
1.Setup Receive (Cài đặt Nhận) (Chỉ ở chế độ FAX)	1.Ring Delay (Thời gian chờ chuông)	Thiết lập Ring Delay (Thời gian chờ chuông) đặt số lần máy đổ chuông trước khi trả lời ở chế độ Fax Only và Fax/Tel.	(00 - 10) 02*	Nếu bạn có điện thoại gắn ngoài hoặc điện thoại nhánh trên cùng đường dây với máy, hãy chọn số lần đổ chuông tối đa.	38
	2.F/T Ring Time (Thời gian chờ chuông F/T)	Đặt khoảng thời gian chờ chuông đổi nhanh ở chế độ Fax/Tel.	20 Secs (Giây) 30 Secs (Giây)* 40 Secs (Giây) 70 Secs (Giây)	Nếu cuộc gọi là fax thì máy của bạn sẽ nhận fax; tuy nhiên, nếu đó là cuộc gọi thoại thì máy sẽ đổ chuông F/T (chuông đổi nhanh) trong thời gian bạn đã đặt trong thiết lập Thời gian chờ chuông F/T. Nếu bạn nghe thấy chuông F/T, có nghĩa là bạn có người gọi cuộc gọi thoại trên đường dây.	
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 2.Fax (Fax) (tiếp tục)


Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
<b>1.Setup Receive (Cài đặtNhận)</b>  (Chỉ ở chế độ FAX)  (Tiếp)	<b>3.Fax Detect (Phát hiện fax)</b>	Nhận fax mà không cần bấm <b>Start (Bắt đầu)</b> . Khi Fax Detect (Phát hiện fax) là On (Bật), bạn có thể nhận fax mà không cần bấm <b>Start (Bắt đầu)</b> .	<b>On (Bật)*</b>	Máy có thể nhận fax tự động, ngay cả nếu bạn trả lời cuộc gọi.	38
			Semi (Trung bình) (MFC-1815)	Máy sẽ chỉ tự động nhận cuộc gọi fax nếu bạn đã trả lời bằng ống nghe của máy.	
			<b>Off (Tắt)</b>	Nếu bạn đang đứng ở máy và trả lời cuộc gọi fax bằng cách nhấc ống nghe của điện thoại gắn ngoài (chỉ MFC-1810 và MFC-1811) hoặc của máy (chỉ MFC-1815), bấm <b>Start (Bắt đầu)</b> .	
	<b>4.Auto Reduction (Tự động thu nhỏ)</b>	Máy tính toán tỉ lệ thu nhỏ bằng cách sử dụng khổ giấy của fax và thiết lập Khổ giấy của bạn. ( <b>Menu, 1, 2, 2</b> ).	<b>On (Bật)*</b>	Nếu bạn chọn On (Bật), máy sẽ tự động thu nhỏ mỗi trang của fax đến cho vừa với một trang giấy khổ A4, Letter, Legal hoặc Folio.	
			<b>Off (Tắt)</b>		
	<b>5.Memory Receive (Nhận bộ nhớ)</b>	Tự động lưu fax đến vào bộ nhớ nếu máy hết giấy.  Máy sẽ tiếp tục nhận fax hiện tại, với các trang còn lại được lưu trong bộ nhớ, nếu còn đủ bộ nhớ.	<b>On (Bật)*</b>	Các fax đến sau cũng sẽ được lưu vào bộ nhớ cho đến khi bộ nhớ đầy. Khi bộ nhớ đầy, máy sẽ tự động dừng trả lời cuộc gọi. Để in fax, hãy nạp giấy mới vào khay và bấm <b>Start (Bắt đầu)</b> .	
<b>Off (Tắt)</b>			Các fax đến sau sẽ không được lưu vào bộ nhớ. Sau đó máy sẽ tự động dừng trả lời các cuộc gọi đến cho đến khi giấy mới được nạp vào khay giấy. Để in fax mới nhất bạn nhận được, hãy nạp giấy mới vào khay và bấm <b>Start (Bắt đầu)</b> .		
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 2. Fax (Fax) (tiếp tục)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
<b>1. Setup Receive (Cài đặt Nhận)</b> (Chỉ ở chế độ FAX) (Tiếp)	<b>6. Print Density (Mật độ in)</b>	Bạn có thể điều chỉnh thiết lập Mật độ in để làm các trang in đậm hơn hoặc nhạt hơn.	-□□□■+ -□□□■+ -□□■□+* -□■□□+ -■□□□+	Bấm ► để đậm hơn, bấm ◀ để nhạt hơn.	
<b>2. Setup Send (Cài đặt Gửi)</b>	<b>1. Contrast (Độ tương phản)</b>	Thay đổi độ đậm nhạt của fax bạn gửi.	<b>Auto (Tự động)*</b>	Auto (Tự động) sẽ cho kết quả tốt nhất. Chế độ này tự động chọn độ tương phản phù hợp cho tài liệu của bạn.	
			Light (Nhạt)	Nếu tài liệu của bạn quá nhạt, chọn Light (Nhạt).	
			Dark (Đậm)	Nếu tài liệu của bạn quá đậm, chọn Dark (Đậm).	
	<b>2. Fax Resolution (Độ phân giải Fax)</b>	Đặt độ phân giải mặc định cho fax đi.  Chất lượng của fax đi có thể được cải thiện bằng cách thay đổi Độ phân giải fax.	<b>Standard (Tiêu chuẩn)*</b>	Phù hợp cho hầu hết các loại tài liệu.	
			Fine (Mịn)	Phù hợp với bản in nhỏ và truyền chậm hơn một chút so với độ phân giải Tiêu chuẩn.	
			S. Fine (Siêu mịn)	Phù hợp với bản in nhỏ hoặc tác phẩm nghệ thuật và truyền chậm hơn so với độ phân giải Mịn.	
			Photo (Ảnh)	Sử dụng khi tài liệu có nhiều vùng xám bóng khác nhau hoặc là ảnh. Chế độ này có thời gian truyền chậm nhất.	
	<b>3. Overseas Mode (Chế độ Nước ngoài)</b>	Nếu bạn gặp khó khăn khi gửi fax ra nước ngoài do đường truyền kém thì bật Overseas Mode (Chế độ Nước ngoài) có thể có ích.	On (Bật)	Bật tính năng này nếu bạn gặp khó khăn khi gửi fax ra nước ngoài. Tính năng này sẽ chỉ giữ nguyên cho lần fax tiếp theo.	
Off (Tắt)*			Giữ thiết lập này Off (Tắt) khi kết nối mạng tốt và bạn có thể gửi fax ra nước ngoài thành công.		

Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.

## 2.Fax (Fax) (tiếp tục)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
3. Anti-Junk Fax (Chống Fax rác) (Chỉ MFC-1810 và MFC-1815)	1. Register (Đăng ký)	Nếu bạn không muốn nhận fax/cuộc gọi từ số nhất định, bạn có thể đăng ký đến 100 số vào danh sách Anti-Junk Fax (Chống fax rác).	—	Chọn số bạn muốn đăng ký vào danh sách Anti-Junk Fax bằng cách bấm ▲ và ▼. Bấm <b>OK</b> sau đó bấm 1.	
	2. Delete (Xóa)	Bạn cần đăng ký sử dụng dịch vụ ID Người gọi tại công ty điện thoại địa phương. Bạn không thể chọn các số không được lưu trong bộ nhớ ID Người gọi.	—	Chọn số bạn muốn xóa khỏi danh sách Anti-Junk Fax bằng cách bấm ▲ và ▼. Bấm <b>OK</b> sau đó bấm 1.	
	3. Print Report (In báo cáo)		—	Bạn có thể in danh sách các số fax/điện thoại trong danh sách Anti-Junk Fax.	
3. Address Book (Số địa chỉ) (Chỉ MFC-1811) 4. Address Book (Số địa chỉ) (Chỉ MFC-1810 và MFC-1815)	1. Speed Dial (Quay số nhanh)	Lưu đến 99 số Quay số nhanh. Bấm  (Address Book (Số Địa chỉ)) hai lần và nhập số Quay số nhanh gồm hai chữ số.	—		
4. Report Setting (Thiết lập báo cáo) (Chỉ MFC-1811) 5. Report Setting (Thiết lập báo cáo) (Chỉ MFC-1810 và MFC-1815)	1. Transmission (Truyền)	Bạn có thể sử dụng Báo cáo Xác nhận truyền tải làm bằng chứng rằng bạn đã gửi fax. Báo cáo này liệt kê tên hoặc số fax của bên nhận, ngày và giờ truyền, thời lượng truyền, số trang được gửi và việc truyền có thành công hay không.	On (Bật)	In một báo cáo sau mỗi lần bạn gửi fax.	
			On+Image (Bật+Hình ảnh)	In một báo cáo sau mỗi lần bạn gửi fax. Một phần của trang fax thứ nhất xuất hiện trên báo cáo.	
			Off (Tắt) *	In báo cáo nếu fax của bạn không thành công do lỗi truyền tải.	
			Off+Image (Tắt+Hình ảnh)	In báo cáo nếu fax của bạn không thành công do lỗi truyền tải. Một phần của trang fax thứ nhất xuất hiện trên báo cáo.	
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					



**2.Fax (Fax) (tiếp tục)**

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
<p><b>4.Report Setting</b> (Thiết lập báo cáo)(Chỉ MFC-1811)</p> <p><b>5.Report Setting</b> (Thiết lập báo cáo)(Chỉ MFC-1810 và MFC-1815)</p> <p>(Tiếp)</p>	<p><b>2.Journal Period</b> (Giai đoạn nhật ký)</p>	<p>Đặt thời khoảng để tự động in Nhật ký fax.</p> <p>Nhật ký fax là danh sách chứa thông tin về 200 lần fax đến và đi mới nhất của bạn.</p>	Off (Tắt)	Nếu bạn đặt thời khoảng là Off (Tắt), bạn vẫn có thể in báo cáo thủ công từ menu Print Reports (In báo cáo).	
			<b>Every 50 Faxes (Mỗi 50 lần Fax)*</b>	Máy sẽ in Nhật ký khi máy lưu được 50 tác vụ.	
			Every 6 Hours (Mỗi 6 giờ)	Máy in báo cáo tại thời điểm đã chọn và sau đó xóa tất cả các tác vụ khỏi bộ nhớ.	
			Every 12 Hours (Mỗi 12 giờ)		
			Every 24 Hours (Mỗi 24 giờ)		
Every 2 Days (Mỗi 2 ngày)					
Every 7 Days (Mỗi 7 ngày)					
<p><b>5.Remote Fax Opt</b> (Tùy chọn Fax từ xa)(Chỉ MFC-1811)</p> <p><b>6.Remote Fax Opt</b> (Tùy chọn Fax từ xa)(Chỉ MFC-1810 và MFC-1815)</p>	<p><b>1.PC Fax Receive</b> (PC Fax Receive)</p>	<p>Đặt để máy gửi fax đến máy tính của bạn. Nếu bạn chọn On (Bật), bạn có thể bật tính năng Backup Print (In sao lưu).</p>	On (Bật)		43
			<b>Off (Tắt)*</b>		
	<p><b>2.Print Document</b> (In Tài liệu)</p>	<p>Nếu bạn bật tính năng PC-Fax Receive (Nhận PC-Fax) và máy của bạn lưu fax đã nhận vào bộ nhớ, bạn có thể in fax từ bộ nhớ.</p>	—		
<p><b>6.Remaining Jobs</b> (Tác vụ còn lại)(Chỉ MFC-1811)</p> <p><b>7.Remaining Jobs</b> (Tác vụ còn lại)(Chỉ MFC-1810 và MFC-1815)</p>	—	<p>Bạn có thể xem có những tác vụ nào trong bộ nhớ và cho phép bạn hủy các tác vụ đã lên lịch.</p>	[XXX]	Vui lòng làm theo lời nhắc trên màn hình LCD.	36

Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.

## 2.Fax (Fax) (tiếp tục)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
0.Miscellaneous (Tổng hợp)	1.Compatibility (Tương thích)	Nếu bạn gặp khó khăn khi gửi hoặc nhận fax do nhiễu sóng có thể xảy ra trên đường dây điện thoại, hãy điều chỉnh sự cân bằng của tính tương thích để giảm tốc độ modem cho thao tác fax.	Normal (Bình thường)*	Đặt tốc độ modem là 14400 bps.	
			Basic (for VoIP) (Cơ bản (cho VoIP))	Giảm tốc độ modem xuống 9600 bps và tắt chế độ sửa lỗi (ECM). Nếu bạn thường xuyên gặp nhiễu sóng trên đường dây điện thoại tiêu chuẩn của bạn, hãy thử thiết lập này.	
	2.Caller ID (ID Người gọi) (Chỉ MFC-1810 và MFC-1815)	Xem hoặc in danh sách 30 ID Người gọi mới nhất được lưu trong bộ nhớ.	Display# (Hiện thị#)	ID Người gọi của cuộc gọi mới nhất sẽ xuất hiện trên màn hình.	42
			Print Report (In báo cáo)	In 30 cuộc gọi mới nhất trong danh sách ID Người gọi.	
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 3.Phô tô

### 3.Copy (Phô tô)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
1.Quality (Chất lượng)	—	Bạn có thể chọn độ phân giải Phô tô cho loại tài liệu của bạn.	Auto (Tự động)*	Auto (Tự động) là chế độ được khuyến nghị cho bản in ra thông thường. Phù hợp với tài liệu chứa cả chữ và ảnh.	
			Text (Văn bản)	Phù hợp với tài liệu chứa chữ là chủ yếu.	
			Photo (Ảnh)	Chất lượng phô tô tốt hơn cho ảnh.	
			Receipt (Biên nhận)	Phù hợp để phô tô biên nhận.	
2.Brightness (Độ sáng)	—	Điều chỉnh độ sáng phô tô cho các bản sao.	-□□□■+ -□□□■+ -□□■□+* -□■□□+ -■□□□+	Bấm ► để tăng độ sáng hoặc bấm ◀ để giảm độ sáng.	
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

### 3.Copy (Phô tô) (tiếp tục)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
3.Contrast (Độ tương phản)	—	Điều chỉnh độ tương phản để giúp hình ảnh trông rõ nét và sinh động hơn.	-□□□■+ -□□■□+ -□■□□+* -□■□□+ -■□□□+	Bấm ► để tăng độ tương phản hoặc bấm ◀ để giảm độ tương phản.	
4.ID Copy (Phô tô thẻ ID)	1.Quality (Chất lượng)	Bạn có thể thay đổi thiết lập mặc định cho ID Copy (Phô tô thẻ ID).	Auto (Tự động)*	Auto (Tự động) là chế độ tiêu chuẩn cho bản in ra thông thường. Nếu bạn muốn làm nó rõ hơn, chọn Lighter (Nhạt hơn).	
	2.Brightness (Độ sáng)		Lighter (Nhạt hơn)		
	3.Contrast (Độ tương phản)		-□□□■+ -□□■□+* -□■□□+ -□■□□+ -■□□□+	Bấm ► để tăng độ sáng hoặc bấm ◀ để giảm độ sáng.	
	4.2in1/1in1 (2trong1/1trong1)		-□□□■+ -□□■□+ -□■□□+* -□■□□+ -■□□□+	Bấm ► để tăng độ tương phản hoặc bấm ◀ để giảm độ tương phản.	
			2in1 (2trong1)*	Cho phép bạn sử dụng phim 2 in 1 (ID) Copy (Phô tô 2 trong 1 (thẻ ID)) làm bản sao 2 mặt.	51
			1in1 (1trong1)	Cho phép bạn sử dụng phim 2 in 1 (ID) Copy (Phô tô 2 trong 1 (thẻ ID)) làm bản sao 1 mặt.	51
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 4.Máy in

### 4.Printer (Máy in)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
1.Print Options (Tùy chọn in)	1.Test Print (Bản in thử)	In một trang thử.	—		
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 4. Printer (Máy in) (tiếp tục)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
2. Auto Continue (Tự động tiếp tục)	—	Nếu thiết lập này được bật, máy sẽ tự động xóa lỗi khổ giấy và sẽ sử dụng giấy được nạp trong khay giấy.	On (Bật)*	Size mismatch (Khổ không khớp) được hiển thị trên màn hình LCD và thao tác in không diễn ra.	
			Off (Tắt)		
3. Reset Printer (Cài Đặt lại máy in)	—	Khôi phục các thiết lập của máy về thiết lập mặc định của nhà sản xuất gốc.	1. Reset (Đặt lại)		
			2. Exit (Thoát)		
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 5. In báo cáo

### 5. Print Reports (In báo cáo)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
1. XMIT Verify (Kiểm chứng XMIT)	1. View on LCD (Xem trên màn hình LCD)	Bạn có thể sử dụng Báo cáo Xác nhận truyền tải làm bằng chứng rằng bạn đã gửi fax. Báo cáo này liệt kê tên hoặc số fax của bên nhận, ngày và giờ truyền, thời lượng truyền, số trang được gửi và việc truyền có thành công hay không.	—	Bạn có thể xem Báo cáo Xác nhận truyền tải cho 200 lần fax đi mới nhất.	
	2. Print Report (In báo cáo)		—	In báo cáo mới nhất.	
2. Address Book (Sổ địa chỉ)	1. Numeric (Số)	Liệt kê các tên và số được lưu trong bộ nhớ Quay số nhanh.	—	In theo thứ tự số.	
	2. Alphabetic (Chữ cái)		—	In theo thứ tự chữ cái.	
3. Fax Journal (Nhật ký Fax)	—	In danh sách chứa thông tin về 200 lần fax đến và đi mới nhất của bạn.  (TX: truyền.) (RX: nhận.)	—		
4. User Settings (Thiết lập Người dùng)	—	Liệt kê các thiết lập của bạn.	—		
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 6. Thông tin máy

### 6. Machine Info. (Thông tin máy)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
1. Serial No. (Số sê-ri)	—	Bạn có thể kiểm tra số sê-ri của máy.	—		
2. Version (Phiên bản)	1. Main Version (Phiên bản chính)	Bạn có thể kiểm tra phiên bản phần mềm cơ sở của máy.	—		
3. Page Counter (Bộ đếm trang)	—	Bạn có thể kiểm tra số trang mà máy đã in trong thời gian sử dụng máy.	Total (Tổng)	Hiển thị tổng số trang.	
			Fax/List (Fax/Danh sách)	Hiển thị bộ đếm trang cho fax và danh sách.	
			Copy (Phô tô)	Hiển thị bộ đếm trang cho các bản sao.	
			Print (In)	Hiển thị bộ đếm trang cho các trang đã in.	
4. Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)	1. Toner (Mực)	Bạn có thể kiểm tra phần trăm thời hạn sử dụng Mực in còn lại.	—		
	2. Drum (Trống mực)	Bạn có thể kiểm tra phần trăm thời hạn sử dụng Trống mực còn lại.	—		
5. Reset Drum (Cài Đặt lại trống mực)	—	Bạn có thể đặt lại bộ đếm trống mực khi bạn thay bộ trống mực bằng bộ trống mực mới.	▲ Reset (Đặt lại)		60
			▼ Exit (Thoát)		
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

# Menu và các tính năng của các model DCP

## Lập trình trên màn hình

---

Máy của bạn đã được thiết kế sao cho dễ sử dụng. Màn hình LCD cho phép lập trình trên màn hình bằng các phím menu.

### Cách truy cập chế độ menu

- 1 Bấm **Menu**.
- 2 Cuộn qua từng cấp menu bằng cách bấm ▲ hoặc ▼ cho hướng bạn muốn.
- 3 Bấm **OK** khi tùy chọn bạn muốn xuất hiện trên màn hình LCD.  
Sau đó màn hình LCD sẽ hiển thị cấp menu tiếp theo.
- 4 Bấm ▲ hoặc ▼ để cuộn đến lựa chọn menu tiếp theo của bạn.
- 5 Bấm **OK**.  
Khi bạn đã thiết lập xong một tùy chọn, màn hình LCD sẽ hiển thị *Accepted* (Chấp nhận).
- 6 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)** để thoát chế độ Menu.

## Bảng Menu

Sử dụng bảng menu, bạn có thể thay đổi các thiết lập trong máy bằng cách bấm ▲ và ▼ và **OK**. Bấm **Menu**, sau đó tùy theo những gì hiển thị trên màn hình LCD, bấm ▲ và ▼ để tô sáng các tùy chọn menu khác nhau. Bấm **OK** để chọn một tùy chọn.

Trong ví dụ bên dưới, thiết lập loại giấy được thay đổi từ Plain (Thường) thành Recycled Paper (Giấy tái chế).

### 1. General Setup (Cài đặt chung)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn
1. Paper (Giấy)	1. Paper Type (Loại giấy)		Plain (Thường)* Recycled Paper (Giấy tái chế)

- 1 Bấm **Menu**.
- 2 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 1. General Setup (Cài đặt chung). Bấm **OK**.
- 3 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 1. Paper (Giấy). Bấm **OK**.
- 4 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 1. Paper Type (Loại giấy). Bấm **OK**.
- 5 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn Recycled Paper (Giấy tái chế). Bấm **OK**.
- 6 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.


## 1. Cài đặt chung

### 1. General Setup (Cài đặt chung)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
1. Paper (Giấy)	1. Paper Type (Loại giấy)		Plain (Thường)* Recycled Paper (Giấy tái chế)		31
	2. Paper Size (Khổ giấy)	Đặt khổ giấy trong khay giấy.	A4* Letter Legal Folio		31

Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.

## 1.General Setup (Cài đặt chung) (tiếp tục)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
2.Ecology (Sinh thái)	1.Toner Save (Tiết kiệm Mực in)	Bạn có thể tiết kiệm mực in bằng tính năng này.	On (Bật)	Tăng hiệu suất trang của hộp mực. Khi bạn đặt Toner Save (Tiết kiệm Mực in) là On (Bật), bản in sẽ nhạt hơn.	29
	2.Auto Power Off (Tự động tắt nguồn)	Nếu máy ở chế độ Ngủ sâu được vài giờ, nó sẽ tự động chuyển sang chế độ Tắt nguồn.  Để vô hiệu chế độ Tắt nguồn, bấm và giữ  .	Off (Tắt) *  1 hour (1 giờ) 2 hours (2 giờ) 4 hours (4 giờ) 8 hours (8 giờ)		
3.LCD Contrast (Độ tương phản màn hình LCD)	—	Điều chỉnh độ tương phản của màn hình LCD.	-□□□■+ -□□■□+ -□■□□+* -□■□□+ -■□□□+	Bấm ▲ để làm màn hình LCD tối hơn hoặc bấm ▼ để làm màn hình LCD sáng hơn.	
4.Replace Toner (Thay thế Mực in)	—	Đặt để máy tiếp tục hoặc dừng in sau khi màn hình LCD hiển thị Replace Toner (Thay thế Mực in).	Continue (Tiếp tục)	Máy sẽ tiếp tục in. Thay hộp mực bằng hộp mực mới sau khi màn hình LCD hiển thị Toner Ended (Mực in đã hết).	29
			Stop (Dừng) *	Máy sẽ dừng in. Thay hộp mực bằng hộp mực mới.	
5.Reset (Đặt lại)	1.All Settings (Tắt cả thiết lập)	Khôi phục tất cả các thiết lập của máy về thiết lập mặc định của nhà sản xuất.	▲ Reset (Đặt lại)		
			▼ Exit (Thoát)	Hủy khôi phục và thoát khỏi menu.	
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					



## 2. Phô tô

### 2.Copy (Phô tô)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
1. Quality (Chất lượng)	—	Bạn có thể chọn độ phân giải Phô tô cho loại tài liệu của bạn.	Auto (Tự động) *	Auto (Tự động) là chế độ được khuyến nghị cho bản in ra thông thường. Phù hợp với tài liệu chứa cả chữ và ảnh.	
			Text (Văn bản)	Phù hợp với tài liệu chứa chữ là chủ yếu.	
			Photo (Ảnh)	Chất lượng phô tô tốt hơn cho ảnh.	
			Receipt (Biên nhận)	Phù hợp để phô tô biên nhận.	
2. Brightness (Độ sáng)	—	Điều chỉnh độ sáng phô tô cho các bản sao.	-□□□■+ -□□□■+ -□□■□+* -□■□□+ -■□□□+	Bấm ▲ để tăng độ sáng hoặc bấm ▼ để giảm độ sáng.	
3. Contrast (Độ tương phản)	—	Điều chỉnh độ tương phản để giúp hình ảnh trông rõ nét và sinh động hơn.	-□□□■+ -□□□■+ -□□■□+* -□■□□+ -■□□□+	Bấm ▲ để tăng độ tương phản hoặc bấm ▼ để giảm độ tương phản.	
4. ID Copy (Phô tô thẻ ID)	1. Quality (Chất lượng)	Bạn có thể thay đổi thiết lập mặc định cho ID Copy (Phô tô thẻ ID).	Auto (Tự động) *	Auto (Tự động) là chế độ tiêu chuẩn cho bản in ra thông thường. Nếu bạn muốn làm nó rõ hơn, chọn Lighter (Nhạt hơn).	
	Lighter (Nhạt hơn)				
	2. Brightness (Độ sáng)		-□□□■+ -□□□■+* -□□■□+ -□■□□+ -■□□□+	Bấm ▲ để tăng độ sáng hoặc bấm ▼ để giảm độ sáng.	
3. Contrast (Độ tương phản)	-□□□■+ -□□□■+ -□□■□+* -□■□□+ -■□□□+	Bấm ▲ để tăng độ tương phản hoặc bấm ▼ để giảm độ tương phản.			

Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.

## 2.Copy (Phô tô) (tiếp tục)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
4.ID Copy (Phô tô thẻ ID) (Tiếp)	4.2in1/1in1 (2trong1/1trong1)		2in1 (2trong1)*	Cho phép bạn sử dụng phim <b>2 in 1 (ID) Copy (Phô tô 2 trong 1 (thẻ ID))</b> làm bản sao 2 mặt.	51
			1in1 (1trong1)	Cho phép bạn sử dụng phim <b>2 in 1 (ID) Copy (Phô tô 2 trong 1 (thẻ ID))</b> làm bản sao 1 mặt.	51
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 3.Máy in

### 3.Printer (Máy in)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
1.Print Options (Tùy chọn in)	1.Test Print (Bản in thử)	In một trang thử.	—		
2.Auto Continue (Tự động tiếp tục)	—	Nếu thiết lập này được bật, máy sẽ tự động xóa lỗi khổ giấy và sẽ sử dụng giấy được nạp trong khay giấy.	On (Bật)*		
			Off (Tắt)	Size mismatch (Khổ không khớp) được hiển thị trên màn hình LCD và thao tác in không diễn ra.	
3.Reset Printer (Đặt lại máy in)	—	Khôi phục các thiết lập của máy về thiết lập mặc định của nhà sản xuất gốc.	▲ Reset (Đặt lại)		
			▼ Exit (Thoát)		
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## 4.Thông tin máy

### 4.Machine Info. (Thông tin máy)

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
1.Serial No. (Số sê-ri)	—	Bạn có thể kiểm tra số sê-ri của máy.	—		
2.Version (Phiên bản)	1.Main Version (Phiên bản chính)	Bạn có thể kiểm tra phiên bản phần mềm cơ sở của máy.	—		
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

**4.Machine Info. (Thông tin máy) (tiếp tục)**

Cấp độ 2	Cấp độ 3	Mô tả 1	Tùy chọn	Mô tả 2	Trang
<b>3. Page Counter (Bộ đếm trang)</b>	—	Bạn có thể kiểm tra số trang mà máy đã in trong thời gian sử dụng máy.	Total (Tổng)	Hiển thị tổng số trang.	
			List (Danh sách)	Hiển thị bộ đếm trang cho các danh sách.	
			Copy (Phô tô)	Hiển thị bộ đếm trang cho các bản sao.	
			Print (In)	Hiển thị bộ đếm trang cho các trang đã in.	
<b>4. User Settings (Thiết lập Người dùng)</b>	—	Liệt kê các thiết lập của bạn.	—		
<b>5. Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)</b>	<b>1. Toner (Mực)</b>	Bạn có thể kiểm tra phần trăm thời hạn sử dụng Mực in còn lại.	—		
	<b>2. Drum (Trống mực)</b>	Bạn có thể kiểm tra phần trăm thời hạn sử dụng Trống mực còn lại.	—		
<b>6. Reset Drum (Đặt lại trống mực)</b>	—	Bạn có thể đặt lại bộ đếm trống mực khi bạn thay bộ trống mực bằng bộ trống mực mới.	▲ Reset (Đặt lại)		60
			▼ Exit (Thoát)		
Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.					

## Nhập văn bản (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)

Khi thiết lập các lựa chọn menu nhất định, như ID Trạm và tên của số Quay số nhanh, bạn sẽ cần nhập ký tự văn bản. Các phím trên bàn phím quay số được in chữ cái. Các phím: **0**, **#** và **\*** không được in chữ cái vì chúng được sử dụng cho các ký tự đặc biệt.

Bấm phím phù hợp trên bàn phím quay số theo số lần được trình bày trong bảng tham khảo này để có chữ cái bạn muốn.

Bấm phím số trên bàn phím quay số	một lần	hai lần	ba lần	bốn lần	năm lần
<b>2</b>	A	B	C	2	A
<b>3</b>	D	E	F	3	D
<b>4</b>	G	H	I	4	G
<b>5</b>	J	K	L	5	J
<b>6</b>	M	N	O	6	M
<b>7</b>	P	Q	R	S	7
<b>8</b>	T	U	V	8	T
<b>9</b>	W	X	Y	Z	9

### Chèn dấu cách

Để nhập một dấu cách vào số fax, bấm ► một lần giữa các số. Để nhập một dấu cách vào tên, bấm ► hai lần giữa các ký tự.

### Chỉnh sửa

Nếu bạn đã nhập ký tự không chính xác và muốn thay đổi ký tự đó, bấm ◀ hoặc ▶ để di chuyển con trỏ đến ký tự không chính xác, sau đó bấm **Clear (Xóa)**.

### Nhập chữ cái lặp lại

Để nhập một chữ cái trên cùng một phím giống chữ cái trước đó, bấm ► để di chuyển con trỏ sang bên phải trước khi bấm phím lần nữa.

### Nhập ký tự đặc biệt và ký hiệu

Bấm \*, # hoặc 0, sau đó bấm ◀ hoặc ▶ để di chuyển con trỏ đến ký hiệu hoặc ký tự bạn muốn. Bấm **OK** để chọn nó. Các ký hiệu và ký tự bên dưới sẽ xuất hiện tùy theo lựa chọn menu của bạn.

Bấm *	cho	(dấu cách) ! " # \$ % & ' ( ) * + , - . / €
Bấm #	cho	; : < = > ? @ [ ] ^ _
Bấm 0	cho	Ä Ë Ö Ü À Ç È É 0


## Các tính năng sinh thái

### Chế độ Ngủ sâu

Nếu máy không nhận được bất kỳ tác vụ nào trong khoảng thời gian nhất định, máy sẽ tự động vào chế độ Ngủ sâu và màn hình LCD sẽ hiển thị *Deep Sleep* (Ngủ sâu). Máy sẽ thức dậy khi nhận được fax (chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815) hoặc một tác vụ in.

(Chỉ đối với MFC-1815) Nhắc ống nghe cũng sẽ đánh thức máy từ chế độ Ngủ sâu.

### Tự động Tắt nguồn (chỉ DCP-1510 và DCP-1511)

Nếu máy ở chế độ Ngủ sâu được vài giờ thì nó sẽ tự động chuyển sang chế độ Tắt nguồn. Chế độ Tắt nguồn là chế độ có mức tiêu thụ điện năng thấp nhất, chỉ xấp xỉ 0,28 W. Để vô hiệu chế độ Tắt nguồn, bấm và giữ .

- 1 Bấm **Menu** sau đó bấm **▲** hoặc **▼** để chọn 1.General Setup (Cài đặt chung).  
Bấm **OK**.
- 2 Bấm **▲** hoặc **▼** để chọn 2.Ecology (Sinh thái).  
Bấm **OK**.
- 3 Bấm **▲** hoặc **▼** để chọn 2.Auto Power Off (Tự động tắt nguồn).  
Bấm **OK**.
- 4 Bấm **▲** hoặc **▼** để chọn số giờ trước khi máy chuyển sang chế độ Tắt nguồn.  
Chọn 1 hour (1 giờ), 2 hours (2 giờ), 4 hours (4 giờ), 8 hours (8 giờ) hoặc Off (Tắt).  
Bấm **OK**.
- 5 Bấm **Stop/Exit** (Dừng/Thoát).

## Thiết lập mực in

### Thiết lập mực in (Chế độ Tiếp tục)

Bạn có thể đặt để máy tiếp tục in sau khi màn hình LCD hiển thị *Replace Toner* (Thay thế Mực in).

Máy sẽ tiếp tục in cho đến khi đèn LCD hiển thị *Toner Ended* (Mực in đã hết).

- 1 (Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Bấm **Menu**, **1**, **7** và đi đến bước 3.

(Đối với DCP-1510 và DCP-1511)  
Bấm **Menu** sau đó bấm **▲** hoặc **▼** để chọn 1.General Setup (Cài đặt chung).  
Bấm **OK**.

- 2 Bấm **▲** hoặc **▼** để chọn 4.Replace Toner (Thay thế Mực in).  
Bấm **OK**.
- 3 Bấm **▲** hoặc **▼** để chọn Continue (Tiếp tục) hoặc Stop (Dừng).  
Bấm **OK**.
- 4 Bấm **Stop/Exit** (Dừng/Thoát).

### LƯU Ý

- Nếu bạn tiếp tục in ở chế độ Tiếp tục, bản in có thể nhạt hơn.
- Sau khi thay hộp mực bằng hộp mực mới, chế độ Tiếp tục sẽ quay lại thiết lập mặc định (Stop (Dừng)).

## **Nhận fax ở Chế độ Tiếp tục (chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)**

---

Máy có thể lưu các fax đã nhận vào bộ nhớ nếu bạn chọn chế độ Tiếp tục khi màn hình LCD hiển thị Replace Toner (Thay thế Mực in). Khi các fax đã nhận được in ở chế độ Tiếp tục, màn hình LCD sẽ hỏi xem chất lượng in của fax đã ổn chưa. Nếu chất lượng in chưa tốt, chọn 2.No (2.Không). Máy sẽ giữ lại các fax đã lưu trong bộ nhớ để bạn có thể in lại sau khi bạn thay hộp mực mới. Nếu chất lượng in tốt, chọn 1.Yes (1.Có). Màn hình LCD sẽ hỏi bạn có muốn xóa các fax đã in khỏi bộ nhớ không. Nếu bạn chọn không xóa chúng, bạn sẽ được hỏi lại sau khi bạn thay hộp mực.

### **LƯU Ý**

---

Nếu bạn tắt máy, các fax được lưu trong bộ nhớ sẽ bị mất.

---

## Thiết lập giấy

### Loại giấy

---

- 1 (Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Bấm **Menu**, **1**, **2**, **1** và đi đến bước 4.

(Đối với DCP-1510 và DCP-1511)  
Bấm **Menu** sau đó bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 1.General Setup (Cài đặt chung).  
Bấm **OK**.

- 2 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 1.Paper (Giấy).  
Bấm **OK**.
- 3 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 1.Paper Type (Loại giấy).  
Bấm **OK**.
- 4 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn Plain (Thường) hoặc Recycled Paper (Giấy tái chế).  
Bấm **OK**.
- 5 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### Khổ giấy

---

- 1 (Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Bấm **Menu**, **1**, **2**, **2** và đi đến bước 4.

(Đối với DCP-1510 và DCP-1511)  
Bấm **Menu** sau đó bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 1.General Setup (Cài đặt chung).  
Bấm **OK**.

- 2 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 1.Paper (Giấy).  
Bấm **OK**.

- 3 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 2.Paper Size (Khổ giấy).  
Bấm **OK**.

- 4 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn A4, Letter, Legal, Folio.  
Bấm **OK**.

- 5 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

## Giấy được chấp nhận

Chất lượng in có thể thay đổi tùy theo loại giấy bạn sử dụng.

### Sức chứa giấy của khay giấy

<b>Khổ giấy</b>	A4, Letter, Legal, Folio
<b>Loại giấy</b>	Giấy thường, Giấy tái chế
<b>Số tờ</b>	lên đến 150 (80 gsm)
<b>Trọng lượng giấy</b>	65 - 105 gsm

Một số nguyên tắc quan trọng khi chọn giấy là:

- **KHÔNG** sử dụng giấy in phun vì nó có thể gây kẹt giấy hoặc hỏng máy của bạn.
- Giấy in sẵn phải sử dụng mực chịu được nhiệt độ của quá trình sấy của máy là 200 °C.

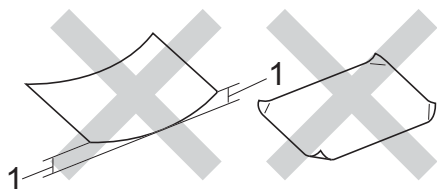
### Các loại giấy cần tránh

#### QUAN TRỌNG

Một số loại giấy có thể không hiệu quả hoặc có thể làm hỏng máy của bạn.

**KHÔNG** sử dụng giấy:

- có nhiều họa tiết
- quá mịn hoặc bóng
- quăn hoặc nhăn



**1 Quăn 2 mm trở lên có thể gây kẹt giấy.**

- được phủ hoặc có bề mặt hóa chất
- bị hỏng, nhàu nát hoặc gập

- vượt quá thông số trọng lượng được khuyến nghị trong hướng dẫn này
- có cuống sổ và ghim
- có tiêu đề thư sử dụng chất nhuộm nhiệt độ thấp hoặc ghi nhiệt
- có nhiều phần hoặc không chứa cacbon
- được thiết kế cho in phun

Nếu bạn sử dụng bất kỳ loại giấy nào trên đây, chúng có thể làm hỏng máy của bạn. Hỏng hóc này không được bảo hành theo bất kỳ chính sách bảo hành hoặc thỏa thuận dịch vụ nào của Brother.



# 3

## Nạp tài liệu

### Cách nạp tài liệu

Bạn có thể gửi fax (chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815), phôtô và quét từ ADF (Bộ nạp tài liệu tự động) và kính máy quét.

### Sử dụng bộ nạp tài liệu tự động (ADF) (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)

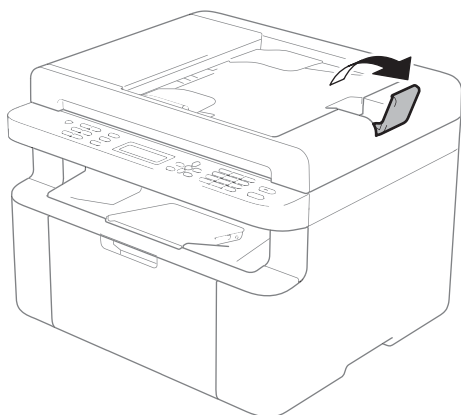
ADF có thể chứa đến 10 trang và nạp từng tờ một. Chúng tôi khuyến nghị bạn nên sử dụng giấy 80 gsm tiêu chuẩn và luôn tải giấy trước khi nạp vào ADF.

#### Khổ tài liệu được hỗ trợ

Khổ:	A4, Letter, Legal, Folio
------	--------------------------

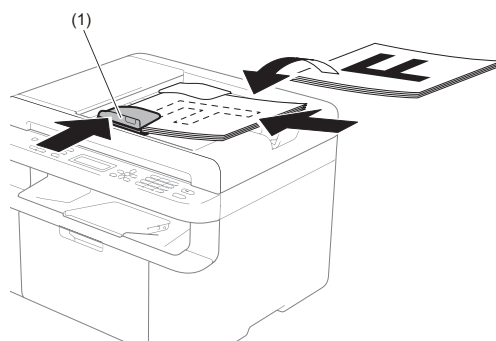
#### Cách nạp tài liệu

- 1 Nhấc và mở nắp lật đỡ đầu ra tài liệu ADF.



- 2 Đặt mặt tài liệu úp xuống, cho cạnh trên đầu vào trong ADF trước cho đến khi thông báo trên màn hình LCD thay đổi.

- 3 Điều chỉnh các thanh dẫn giấy (1) cho vừa vặn với chiều rộng của tài liệu.



### Sử dụng kính máy quét

Bạn có thể sử dụng kính máy quét để fax (chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815), phôtô hoặc quét các trang sách, một trang mỗi lần.

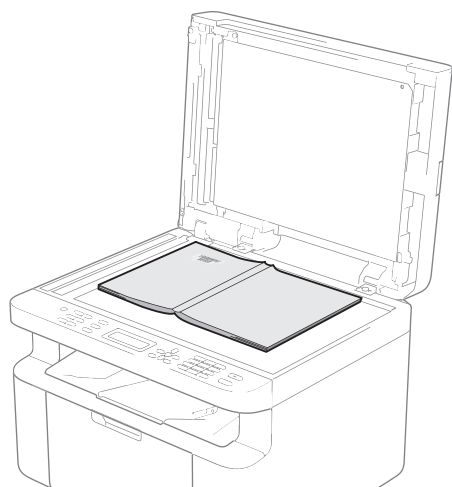
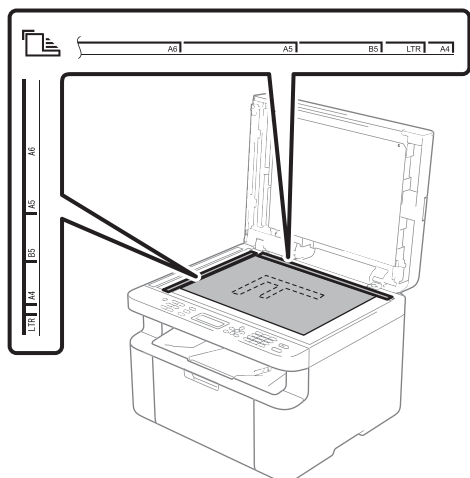
#### Khổ tài liệu được hỗ trợ

Chiều dài:	Lên đến 300,0 mm
Chiều rộng:	Lên đến 215,9 mm
Trọng lượng:	Lên đến 2,0 kg

#### Cách nạp tài liệu

- 1 Nâng nắp tài liệu.

- 2 Sử dụng các cạnh căn chỉnh tài liệu ở bên trái và trên đầu, đặt tài liệu *úp xuống* ở góc trái bên trên của kính máy quét.



- 3 Đóng nắp tài liệu.

### QUAN TRỌNG

Nếu tài liệu dày hoặc là sách, không sập mạnh nắp hay ép nó xuống.

# 4

## Gửi fax (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)

### Cách gửi fax

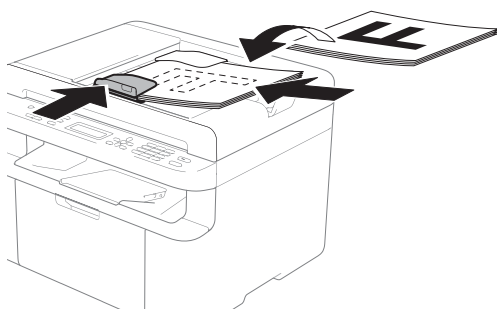
Các bước sau đây trình bày cách gửi fax.

- 1 Bấm **FAX (FAX)**.

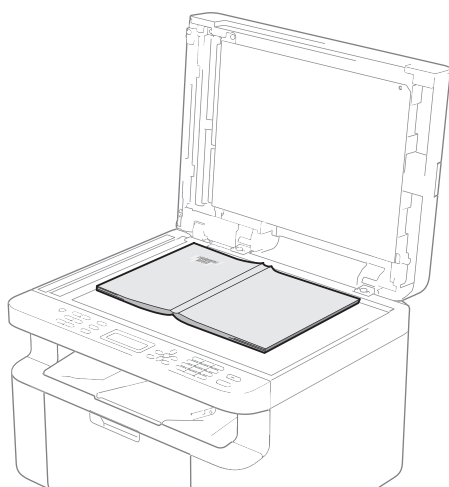


- 2 Nạp tài liệu của bạn.

- Nếu bạn đang gửi từ ADF:



- Nếu bạn đang gửi từ kính máy quét:



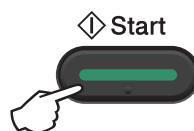
Sau khi đặt tài liệu lên kính máy quét, đóng nắp tài liệu lại.

### LƯU Ý

- Để sử dụng kính máy quét, ADF phải trống.
- Nếu bạn muốn thay đổi độ phân giải fax, bấm **▼** hoặc **Resolution (Độ phân giải)** sau đó bấm **▲** hoặc **▼** hoặc **Resolution (Độ phân giải)** để chọn độ phân giải fax.

- 3 Nhập số fax.

- 4 Bấm **Start (Bắt đầu)** để gửi fax.



### Hủy tác vụ fax đang diễn ra

Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)** để hủy fax. Nếu bạn bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)** trong khi máy đang quay số hoặc gửi, màn hình LCD sẽ yêu cầu bạn xác nhận.

Dialing #XXX  
1.Clear 2.Exit

Sending #XXX P01  
1.Clear 2.Exit

Bấm **1** để hủy fax.

### Quảng bá

Quảng bá cho phép bạn gửi cùng một bản fax đến nhiều số fax. Bạn có thể đưa các số Quay số nhanh và tối đa 20 số quay thủ công vào cùng một lần fax quảng bá.

### Trước khi bạn bắt đầu fax quảng bá

Các số Quay số nhanh phải được lưu vào bộ nhớ của máy trước khi chúng được sử dụng trong fax quảng bá. (Xem *Lưu số Quay số nhanh* >> trang 40)

## Cách quảng bá fax

- 1 Nạp tài liệu của bạn.
- 2 Nhập một số.  
Bấm **OK**.  
Bạn có thể sử dụng một số Quay số nhanh hoặc số nhập thủ công bằng bàn phím. (Xem *Cách quay số* >> trang 41)
- 3 Lặp lại bước 2 cho đến khi bạn đã nhập tất cả các số fax mà bạn muốn quảng bá đến.
- 4 Bấm **Start (Bắt đầu)**.

Sau khi quảng bá hoàn tất, máy sẽ in một báo cáo quảng bá để cho bạn biết kết quả.

## Hủy tác vụ quảng bá đang diễn ra

Trong khi quảng bá, bạn có thể hủy fax đang được gửi hoặc toàn bộ tác vụ quảng bá.

- 1 (Đối với MFC-1811) Bấm **Menu, 2, 6**. (Đối với MFC-1810 và MFC-1815) Bấm **Menu, 2, 7**.  
Màn hình LCD sẽ hiển thị số tác vụ quảng bá, theo sau là số fax hoặc tên đang được quay số (ví dụ, #001 0123456789). Bấm **▲** hoặc **▼** để hiển thị số tác vụ quảng bá (ví dụ, Broadcast#001 (Quảng bá#001)).
- 2 Bấm **▲** hoặc **▼** để chọn một trong các tùy chọn sau:
  - Chọn số fax hoặc tên đang được quay số và bấm **OK**.
  - Chọn số tác vụ quảng bá và bấm **OK**.
- 3 Bấm **1** để hủy số fax hoặc số tác vụ quảng bá mà bạn đã chọn ở bước 2 hoặc bấm **2** để thoát mà không hủy.  
Nếu ở bước 2, bạn chọn chỉ hủy fax đang được gửi đi thì màn hình LCD sẽ hỏi bạn có muốn hủy tác vụ quảng bá hay không. Bấm **1** để xóa toàn bộ tác vụ quảng bá hoặc **2** để thoát.

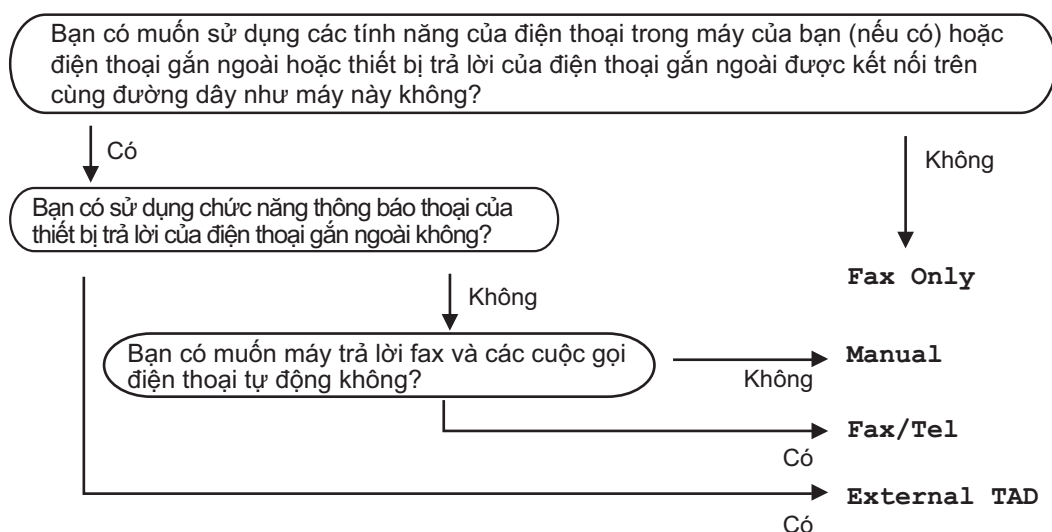
## 4 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

## Các chế độ nhận

Bạn phải chọn một chế độ nhận tùy theo thiết bị gắn ngoài và dịch vụ điện thoại bạn có trên đường dây của bạn.

### Chọn chế độ nhận

Theo mặc định, máy của bạn sẽ tự động nhận fax bất kỳ được gửi đến. Sơ đồ bên dưới sẽ giúp bạn chọn chế độ đúng. (Để biết thông tin chi tiết hơn về các chế độ nhận, xem *Bảng Menu* >> trang 8.)



Để đặt chế độ nhận, làm theo các hướng dẫn bên dưới:

- 1 Bấm **Menu, 0, 1**.
- 2 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn chế độ nhận.  
Bấm **OK**.
- 3 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

Màn hình LCD sẽ hiển thị chế độ nhận hiện tại.

# Thiết lập Chế độ nhận

## Thời gian đổ chuông

Thiết lập Ring Delay (Thời gian đổ chuông) đặt số lần máy đổ chuông trước khi trả lời ở chế độ Fax Only (Chỉ Fax) và Fax/Tel (Fax/ĐT).

Nếu bạn có điện thoại gắn ngoài hoặc điện thoại nhánh trên cùng đường dây với máy, hãy chọn số lần đổ chuông tối đa. (Xem Fax Detect >>> trang 38.)

- 1 Đảm bảo bạn đang ở chế độ FAX.
- 2 Bấm **Menu, 2, 1, 1**.
- 3 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn số lần đường dây đổ chuông trước khi máy trả lời. Bấm **OK**.
- 4 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

## Thời gian đổ chuông F/T (chỉ chế độ Fax/Tel)

Khi ai đó gọi đến máy của bạn, bạn và người gọi sẽ nghe thấy chuông điện thoại bình thường kêu. Số lần chuông được đặt bằng thiết lập Ring Delay.

Nếu cuộc gọi là fax thì máy của bạn sẽ nhận fax; tuy nhiên, nếu đó là cuộc gọi thoại thì máy sẽ đổ chuông F/T (chuông đôi-nhanh) trong thời gian bạn đã đặt trong thiết lập Thời gian đổ chuông F/T. Nếu bạn nghe thấy chuông F/T, có nghĩa là bạn có người gọi cuộc gọi thoại trên đường dây.

Vì chuông F/T là máy phát ra nên các điện thoại mở rộng và điện thoại gắn ngoài (chỉ MFC-1810 và MFC-1811) sẽ *không* đổ chuông.

- 1 Đảm bảo bạn đang ở chế độ FAX.
- 2 Bấm **Menu, 2, 1, 2**.

- 3 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn thời lượng máy sẽ đổ chuông để báo cho bạn rằng bạn có cuộc gọi thoại. Bấm **OK**.

- 4 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

## Fax Detect

### Nếu Fax Detect (Phát hiện fax) là On (Bật):

Máy có thể nhận fax tự động, ngay cả nếu bạn trả lời cuộc gọi. Khi bạn nhìn thấy Receiving (Nhận) trên màn hình LCD hoặc nghe thấy tiếng lách cách trên đường dây điện thoại thông qua ống nghe bạn đang sử dụng, hãy gác lại ống nghe. Máy của bạn sẽ thực hiện phần còn lại.

### (Đối với MFC-1815)

### Nếu Fax Detect (Phát hiện fax) là Semi (Trung bình):

Máy sẽ chỉ tự động nhận cuộc gọi fax nếu bạn đã trả lời bằng ống nghe của máy.

### Nếu Fax Detect (Phát hiện fax) là Off (Tắt):

Nếu bạn đang đứng ở máy và trả lời cuộc gọi fax bằng cách nhấc ống nghe của điện thoại gắn ngoài (chỉ MFC-1810 và MFC-1811) hoặc của máy (chỉ MFC-1815), bấm **Start (Bắt đầu)** sau đó bấm **2** để nhận fax.

## LƯU Ý

- Nếu bạn gửi fax từ máy tính trên cùng đường dây điện thoại và máy can thiệp vào, hãy đặt Fax Detect là Off (Tắt).
- Chúng tôi không khuyến nghị sử dụng máy tính và máy fax trên cùng một đường dây.

- 1 Đảm bảo bạn đang ở chế độ FAX.
- 2 Bấm **Menu, 2, 1, 3**.


- 3 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn On (Bật), Semi (Trung bình) (chỉ MFC-1815) hoặc Off (Tắt).  
Bấm **OK**.
- 4 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.


## Lưu số

Bạn có thể thiết lập để máy quay số dễ dàng bằng cách lưu Quay số nhanh. Khi bạn quay một số Quay số nhanh, màn hình LCD hiển thị tên, nếu bạn đã lưu tên đó, hoặc số.

### Lưu số Quay số nhanh

Bạn có thể lưu các số thường xuyên sử dụng làm số Quay số nhanh, để khi bạn quay số, bạn sẽ chỉ phải bấm một vài phím

( (**Address Book (Sổ Địa chỉ)**) hai lần, số gồm hai chữ số và **Start (Bắt đầu)**). Máy có thể lưu 99 số Quay số nhanh (01- 99).

- 1 Bấm  (**Address Book (Sổ Địa chỉ)**) hai lần và nhập số định vị Quay số nhanh gồm hai chữ số (01-99). Nếu một số chưa được lưu, màn hình LCD hiển thị Register Now? (Đăng ký bây giờ)  
Bấm **1** để chọn Yes (Có).
- 2 Nhập số điện thoại hoặc số fax của bạn (tối đa 20 ký tự).  
Bấm **OK**.
- 3 Thực hiện một trong các bước sau:
  - Nhập tên bằng bàn phím (tối đa 15 ký tự). Để được trợ giúp cách nhập ký tự, xin xem *Nhập văn bản (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)* >> trang 28.  
Bấm **OK**.
  - Bấm **OK** để lưu số không cần tên.
- 4 Để lưu một số Quay số nhanh khác, đi đến bước 1.

## Thay đổi hoặc xóa số Quay số nhanh

Bạn có thể thay đổi hoặc xóa một số Quay số nhanh đã được lưu.

- 1 (Đối với MFC-1811)  
Bấm **Menu, 2, 3, 1**.  
(Đối với MFC-1810 và MFC-1815)  
Bấm **Menu, 2, 4, 1**.  
Nhập số Quay số nhanh mà bạn muốn thay đổi hoặc xóa, sau đó bấm **OK**.
- 2 Thực hiện một trong các bước sau:
  - Bấm **1** để chọn Change (Thay đổi) để sửa số hoặc tên.  
Đi đến bước 3.
  - Bấm **2** để chọn Clear (Xóa) để xóa tất cả thông tin trong số Quay số nhanh.  
Khi Erase This Data? (Xóa dữ liệu này?) xuất hiện, bấm **1** để chọn Yes (Có) để xác nhận.  
Đi đến bước 4.
- 3 Sửa số hoặc tên. Khi bạn sửa xong, bấm **OK**.
- 4 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.




## Cách quay số

Bạn có thể quay số theo bất kỳ cách nào sau đây.

### Quay số thủ công

Sử dụng bàn phím để nhập tất cả các chữ số của số điện thoại hoặc số fax.

### Quay số nhanh

Bấm  (**Address Book (Sổ Địa chỉ)**) hai lần và nhập số Quay số nhanh gồm hai chữ số. (Xem *Lưu số Quay số nhanh* >> trang 40.)




Số gồm hai chữ số

### LƯU Ý

Nếu màn hình LCD hiển thị *Register Now?* (Đăng ký bây giờ) khi bạn nhập một số Quay số nhanh, điều đó có nghĩa là số đó chưa được lưu.

## Tìm kiếm

Bạn có thể tìm kiếm tên theo vần chữ cái mà bạn đã lưu trong bộ nhớ Quay số nhanh. (Xem *Lưu số Quay số nhanh* >> trang 40.)

- 1 Đảm bảo bạn đang ở chế độ FAX.
- 2 Bấm  (**Address Book (Sổ Địa chỉ)**).

- 3 Bấm một vài chữ cái đầu tiên của tên vào bàn phím. (Sử dụng bảng ở *Nhập văn bản (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)* >> trang 28 để giúp bạn nhập chữ cái.)  
Bấm **OK**.

- 4 Bấm ▲ hoặc ▼ để cuộn cho đến khi bạn tìm thấy tên bạn đang tìm kiếm.  
Bấm **OK**.

- 5 Bấm **Start (Bắt đầu)**.

### LƯU Ý

- Nếu bạn không nhập chữ cái và bấm **OK** ở bước 3, tất cả các tên đã đăng ký sẽ xuất hiện. Bấm ▲ hoặc ▼ để cuộn cho đến khi bạn tìm thấy tên bạn đang tìm kiếm.
- Nếu màn hình LCD hiển thị *No Contact Found* (Không tìm thấy số liên lạc nào) khi bạn nhập một vài chữ cái đầu tiên của tên, điều đó có nghĩa là tên cho các chữ cái đó chưa được lưu.

## Quay số lại

Đảm bảo rằng đường dây đang không bận, bấm **Redial (Quay số lại)** để tìm 20 số mới nhất bạn đã quay gần đây.

Bấm **Redial (Quay số lại)** hoặc ▲ hoặc ▼ để cuộn cho đến khi bạn tìm thấy số bạn muốn gọi lại. Bấm **OK** sau đó bấm **Start (Bắt đầu)** để gửi fax.

## ID Người gọi (Chỉ MFC-1810 và MFC-1815)

Tính năng ID Người gọi cho phép bạn sử dụng dịch vụ thuê bao ID Người gọi mà nhiều công ty điện thoại địa phương cung cấp. Dịch vụ này hiển thị số điện thoại hoặc tên, nếu có, của người gọi khi đường dây đổ chuông.

## Xem danh sách ID Người gọi

Máy của bạn lưu thông tin cho 30 cuộc gọi mới nhất trong danh sách ID Người gọi. Bạn có thể xem hoặc in danh sách này. Khi cuộc gọi thứ 31 được truyền đến máy, nó thay thế thông tin về cuộc gọi thứ nhất.

- 1 Bấm **Menu, 2, 0, 2**.  
Màn hình hiển thị thiết lập hiện tại.
- 2 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn `Display#` (Hiển thị#).  
Bấm **OK**.  
ID Người gọi của cuộc gọi mới nhất sẽ xuất hiện trên màn hình.  
Nếu không ID nào được lưu, còi bíp sẽ kêu và `No Caller ID` (Không có ID người gọi) sẽ hiển thị trên màn hình.  
Đi đến bước 4.
- 3 Bấm ▲ hoặc ▼ để cuộn qua bộ nhớ ID Người gọi để chọn ID Người gọi mà bạn muốn xem, sau đó bấm **OK**.  
Màn hình LCD sẽ hiển thị số của người gọi và ngày giờ gọi.
- 4 Để kết thúc xem, bấm **Stop/Exit** (Dừng/Thoát).

## PC-FAX Receive (Chỉ đối với Windows®)

Nếu bạn bật tính năng PC-Fax Receive (Nhận PC-Fax), máy của bạn sẽ lưu các fax đã nhận vào bộ nhớ và tự động gửi chúng đến máy tính. Sau đó bạn có thể sử dụng máy tính để xem và lưu các fax này.

Ngay cả nếu bạn đã tắt máy tính (ví dụ như bạn đem hoặc cuối tuần), máy của bạn sẽ nhận và lưu các fax vào bộ nhớ của nó. Màn hình LCD sẽ hiển thị số lượng fax đã nhận và lưu, ví dụ:

PC Fax Msg:001 (Thông báo PC Fax:001)

Khi bạn khởi động máy tính và phần mềm PC-Fax Receiving chạy, máy của bạn tự động truyền các fax đến máy tính.

Để truyền các fax đã nhận đến máy tính, bạn phải có phần mềm PC-FAX Receiving chạy trên máy tính.


Thực hiện một trong các bước sau:

(Windows® XP, Windows® Vista và Windows® 7)

Từ menu  (Bắt đầu), chọn

**All Programs (Tất cả chương trình), Brother, MFC-XXXX, Nhận PC-Fax** và chọn **Nhận**. (XXXX là tên model của bạn.)

(Windows® 8)

Bấm  (Brother Utilities), sau đó bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Nhận PC-FAX** trong thanh điều hướng bên trái, sau đó bấm **Nhận**.

Sau đó, hoàn tất các bước sau trên máy tính.

- 1 (Đối với MFC-1811)  
Bấm **Menu**, **2**, **5**, **1**.  
(Đối với MFC-1810 và MFC-1815)  
Bấm **Menu**, **2**, **6**, **1**.
- 2 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn On (Bật) (hoặc Off (Tắt)).  
Bấm **OK**.
- 3 Màn hình LCD hiển thị lời nhắc khởi động chương trình PC-FAX Receive trên máy tính của bạn. Nếu bạn đã khởi động chương trình PC-FAX Receive, bấm **OK**. Nếu bạn chưa khởi động chương trình PC-FAX Receive, >> Hướng dẫn sử dụng phần mềm: *PC-FAX receiving*.
- 4 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn On (Bật) hoặc Off (Tắt).  
Bấm **OK**.
- 5 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### QUAN TRỌNG

- Nếu bạn chọn Backup Print (In sao lưu) On (Bật), máy cũng sẽ in fax tại máy của bạn nên bạn sẽ có một bản sao. Đây là một tính năng an toàn để phòng mất điện trước khi fax được truyền đến máy tính.
- Các fax đã lưu trong bộ nhớ của máy sẽ bị xóa.

## LƯU Ý

---

- Trước khi thiết lập PC-Fax Receive, bạn phải cài đặt phần mềm MFL-Pro Suite trên máy tính. Đảm bảo máy tính của bạn được kết nối và đang bật. (►► Hướng dẫn sử dụng phần mềm: *PC-FAX receiving*)
  - Nếu máy của bạn có lỗi và không thể in fax từ bộ nhớ, bạn có thể sử dụng thiết lập này để truyền fax đến máy tính. (Xem *Truyền fax hoặc báo cáo Nhật ký fax (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)* ►► trang 74.)
  - PC-Fax Receive không được hỗ trợ trong HĐH Mac.
-

## PC-FAX sending

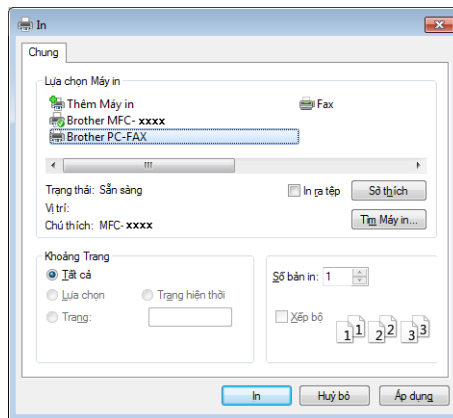
Bạn có thể gửi một tập tin được tạo ở ứng dụng bất kỳ trên máy tính dưới dạng fax tiêu chuẩn.

### LƯU Ý

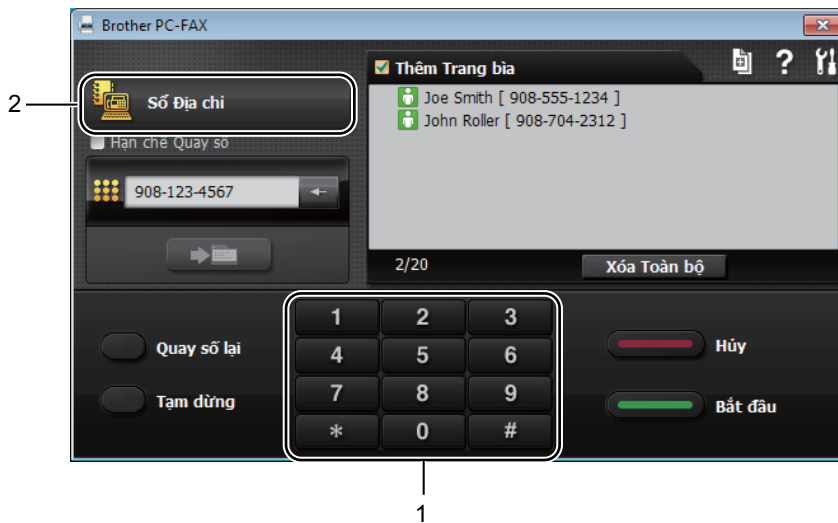
- Phần mềm PC-FAX chỉ có thể gửi tài liệu fax đến trống ở khổ giấy A4.
- Vui lòng cài đặt phần mềm MFL-Pro Suite, kết nối máy và máy tính của bạn trước khi sử dụng PC-FAX sending.

## Gửi tập dưới dạng PC-FAX


- 1 Tạo một tập tin ở ứng dụng bất kỳ trên máy tính.
- 2 Bấm **Tập**, sau đó bấm **In**.  
Hộp thoại **In** xuất hiện:



- 3 Chọn **Brother PC-FAX** làm máy in của bạn, sau đó bấm **In**.  
Hộp thoại PC-FAX sending xuất hiện:



- 1 Bàn phím quay số  
2 Số Địa chỉ

- 4 Nhập số fax bằng một trong các cách sau:
- Sử dụng bàn phím quay số để nhập số rồi bấm nút .
  - Bấm nút **Số Địa chỉ**, sau đó chọn một thành viên hoặc nhóm từ **Số Địa chỉ**.
- Nếu bạn nhập sai, bấm **Xóa Toàn bộ** để xóa toàn bộ mục nhập.

- 5 Để tính cả trang bìa, bấm **Thêm Trang bìa**.

## LƯU Ý


Bạn cũng có thể bấm vào biểu tượng trang bìa  để tạo hoặc sửa trang bìa.

- 6 Bấm **Bắt đầu** để gửi fax.


## LƯU Ý

- Nếu bạn muốn hủy fax, bấm **Hủy** hoặc bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)** trên bảng điều khiển của máy.
- Nếu bạn muốn quay số lại một số, bấm **Quay số lại** để quay lại 5 số fax mới nhất, sau đó bấm **Bắt đầu**.

## Thao tác thoại (chỉ MFC-1815)

Bạn có thể thực hiện cuộc gọi thoại với ống nghe bằng cách sử dụng bàn phím hoặc bấm  (**Address Book (Sổ Địa chỉ)**) hai lần và nhập số Quay số nhanh gồm hai chữ số.

### Thực hiện cuộc gọi điện thoại

- 1 Nhấc ống nghe.
- 2 Khi bạn nghe thấy âm quay số, hãy nhập số bằng bàn phím hoặc bấm  (**Address Book (Sổ Địa chỉ)**) hai lần và nhập số Quay số nhanh gồm hai chữ số.
- 3 Gác lại ống nghe để kết thúc cuộc gọi.

### Tạm dừng

- 1 Bấm **Hook/Hold (Móc/Giữ)** để Tạm dừng một cuộc gọi. Bạn có thể gác lại ống nghe mà không ngắt kết nối cuộc gọi.
- 2 Nhấc ống nghe của máy lên để tiếp tục cuộc gọi từ Tạm dừng.

## Kết nối TAD gắn ngoài (chỉ MFC-1810 và MFC-1811)

Bạn có thể kết nối một Thiết bị trả lời điện thoại (Telephone Answering Device hay TAD) gắn ngoài vào cùng đường dây với máy của bạn. Khi TAD trả lời cuộc gọi, máy của bạn sẽ “lắng nghe” âm báo CNG (cuộc gọi fax) được gửi bởi máy fax đang gửi. Nếu máy của bạn nghe thấy âm báo, nó sẽ nhận cuộc gọi và nhận fax. Nếu máy của bạn không nghe thấy âm báo, nó sẽ cho phép TAD phát một thư thoại và màn hình sẽ hiển thị Telephone (Điện thoại).

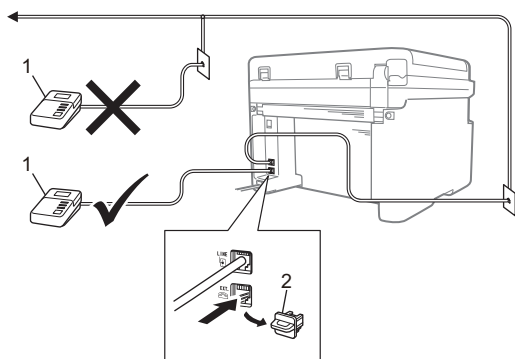
TAD gắn ngoài phải trả lời trong vòng bốn hồi chuông (chúng tôi khuyến nghị bạn nên đặt là hai hồi chuông). Đó là vì máy của bạn không thể nghe thấy âm báo CNG cho đến khi TAD gắn ngoài đã nhận cuộc gọi. Máy đang gửi sẽ gửi âm báo CNG lâu hơn chỉ trong 8 đến 10 giây. Chúng tôi không khuyến nghị sử dụng tính năng tiết kiệm cước ở TAD gắn ngoài nếu nó cần nhiều hơn bốn hồi chuông để kích hoạt.

### LƯU Ý

Nếu bạn gặp vấn đề với nhận fax, hãy giảm thiết lập thời gian chờ chuông ở TAD gắn ngoài xuống một hoặc hai hồi chuông.

### Kết nối

TAD gắn ngoài phải được kết nối như minh họa bên dưới.



### 1 TAD

### 2 Nắp bảo vệ

Trước khi bạn kết nối TAD (thiết bị trả lời điện thoại) gắn ngoài, hãy tháo nắp bảo vệ (2) ra khỏi giắc EXT. trên máy.

- 1 Đặt TAD gắn ngoài ở một hoặc hai hồi chuông. (Thiết lập Thời gian chờ chuông của máy không áp dụng.)
- 2 Ghi âm lời nhắn đi trên TAD của bạn.
- 3 Đặt để TAD trả lời các cuộc gọi.
- 4 Đặt Chế độ nhận trên máy là External TAD (TAD gắn ngoài). (Xem *Các chế độ nhận* >> trang 37.)

## Ghi âm lời nhắn đi (OGM)

- 1 Ghi âm 5 giây im lặng ở đầu lời nhắn của bạn. (Điều này cho phép máy của bạn có thời gian lắng nghe âm báo CNG fax của truyền fax tự động trước khi chúng dừng.)
- 2 Giới hạn lời nhắn thoại của bạn ở 20 giây.  
Ví dụ: “Xin để lại lời nhắn sau tiếng bíp.”

## Kết nối nhiều đường-dây (PABX)

Hầu hết văn phòng sử dụng hệ thống điện thoại trung tâm. Brother khuyến nghị rằng tất cả các máy Fax/MFC của chúng tôi nên được kết nối với một đường dây riêng (chuyên biệt). Mặc dù Tổng đài nhánh riêng tự động (PABX) nhất định có thể hoạt động với một model máy fax nhất định, chúng tôi không thể đảm bảo rằng thiết bị sẽ hoạt động đúng cách.

Mặc dù kết nối máy fax với PABX tương đối đơn giản, chúng tôi khuyên bạn nên liên hệ với công ty đã lắp đặt hệ thống điện thoại của bạn và yêu cầu họ kết nối máy fax giúp bạn.

Brother không khuyến nghị sử dụng đường dây PABX. Các giới hạn PABX thông thường có thể làm một số tính năng của máy fax hoạt động không đúng cách.



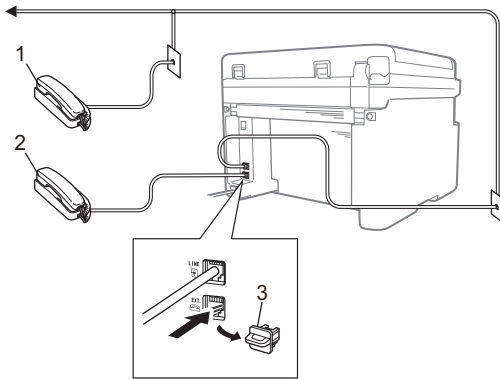
## Điện thoại gắn ngoài và điện thoại nhánh

### LƯU Ý

Điện thoại gắn ngoài chỉ khả dụng đối với MFC-1810 và MFC-1811.

### Kết nối điện thoại gắn ngoài hoặc điện thoại nhánh

Bạn có thể kết nối trực tiếp một máy điện thoại riêng biệt với máy của bạn như minh họa trong sơ đồ bên dưới.



- 1 Điện thoại nhánh
- 2 Điện thoại gắn ngoài
- 3 Nắp bảo vệ

Trước khi bạn nối điện thoại gắn ngoài, hãy tháo nắp bảo vệ (3) ra khỏi giắc **EXT.** trên máy.

Khi bạn đang sử dụng điện thoại gắn ngoài, màn hình LCD hiển thị **Telephone** (Điện thoại).

### Chỉ dành cho chế độ Fax/Tel

Khi máy ở chế độ Fax/Tel, nó sẽ sử dụng Thời gian chờ chuông F/T (chuông-đôi nhanh) để báo cho bạn nhận cuộc gọi thoại.

Nhấc ống nghe của điện thoại gắn ngoài (chỉ MFC-1810 và MFC-1811) hoặc máy (chỉ MFC-1815) rồi bấm **Hook (Móc)** hoặc **Hook/Hold (Móc/Giữ)** để trả lời.

### Sử dụng điện thoại gắn ngoài không dây không phải-của Brother

Nếu điện thoại không dây không phải của-Brother của bạn được kết nối với đường dây điện thoại (xem *Kết nối điện thoại gắn ngoài hoặc điện thoại nhánh* >> trang 49) và bạn thường mang theo điện thoại không dây đến nơi khác thì bạn sẽ dễ dàng trả lời cuộc gọi hơn trong Thời gian chờ chuông.

Nếu bạn để máy trả lời đầu tiên, hãy nhấc điện thoại không dây rồi đi đến máy để bạn có thể bấm **Hook (Móc)** hoặc **Hook/Hold (Móc/Giữ)** để truyền cuộc gọi đến điện thoại không dây.

### LƯU Ý

Không phải nhãn hiệu điện thoại không dây nào cũng tương thích để sử dụng với máy của bạn.

# 9

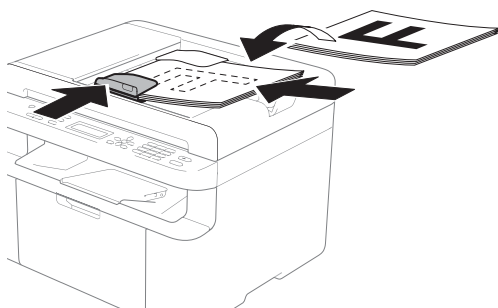
## Phô tô

### Cách phô tô

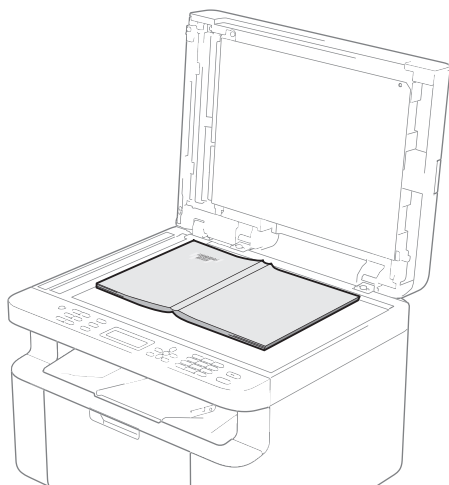
- 1 (Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Bấm **COPY (PHÔ TÔ)**.



- 2 Nạp tài liệu của bạn.
  - (Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Nếu bạn đang phô tô từ ADF:



- Nếu bạn đang phô tô từ kính máy quét:

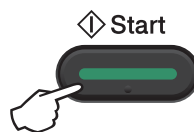


Sau khi đặt tài liệu lên kính máy quét, đóng nắp tài liệu lại.

### LƯU Ý

Để sử dụng kính máy quét, ADF phải trống.

- 3 (Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Sử dụng bàn phím quay số để nhập số bản sao bạn muốn (đến 99 bản sao).  
  
(Đối với DCP-1510 và DCP-1511)  
Bấm ▲ hoặc ▼ để nhập số bản sao bạn muốn.
- 4 Bấm **Start (Bắt đầu)** để phô tô.

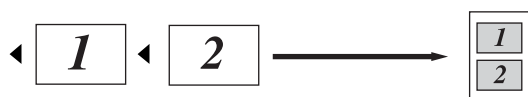


## PHÔ TÔ THẺ ID

Bạn có thể phô tô thẻ nhận dạng cho cả một mặt và hai mặt.

Phô tô thẻ ID hai mặt có thể phô tô cả hai mặt của thẻ nhận dạng lên một trang giấy, giữ nguyên kích thước gốc của thẻ.

Kết quả phô tô ID hai mặt được minh họa bên dưới.



### LƯU Ý

- Bạn có thể phô tô thẻ nhận dạng trong phạm vi các luật áp dụng cho phép.  
(►► Hướng dẫn về an toàn sản phẩm: *Sử dụng thiết bị sao chép trái pháp luật (Chỉ MFC và DCP)*)
- Đối với thiết lập Phô tô ID,  
(Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815) Xem 3. *Phô tô* ►► trang 18.  
(Đối với DCP-1510 và DCP-1511)  
Xem 2. *Phô tô* ►► trang 25.

## Phô tô thẻ ID hai mặt

- Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Bấm **Menu**, **3**, **4** và đi đến bước ③.  
  
(Đối với DCP-1510 và DCP-1511)  
Bấm **Menu** sau đó bấm **▲** hoặc **▼** để chọn 2. *Copy* (Phô tô).  
Bấm **OK**.
- Bấm **▲** hoặc **▼** để chọn 4. *ID Copy* (Phô tô thẻ ID).  
Bấm **OK**.
- Bấm **▲** hoặc **▼** để chọn 4. *2in1/1in1* (2trong1/1trong1).  
Bấm **OK**.

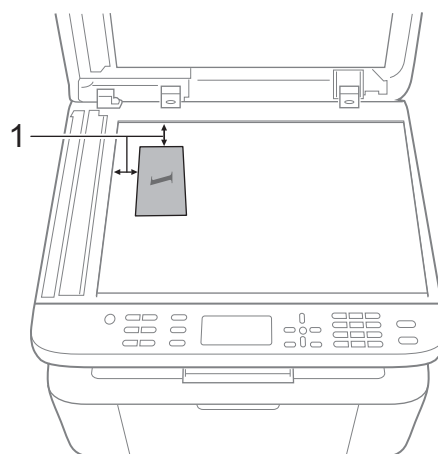
Bấm **▲** hoặc **▼** để chọn 2in1 (2trong1) cho phô tô hai mặt như là mặc định. Bấm **OK** rồi bấm **Stop/Exit** (Dừng/Thoát).

- Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Bấm **COPY (PHÔ TÔ)**.



(Đối với DCP-1510 và DCP-1511)  
Bấm **▲** hoặc **▼** để nhập số bản sao bạn muốn.

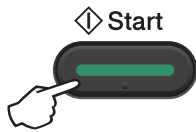
- Bấm **2 in 1 (ID) Copy (Phô tô 2 trong 1 (thẻ ID))**.
- Đặt thẻ nhận dạng *úp xuống* ở góc trái (không phải góc phải hay ở giữa) của kính máy quét.



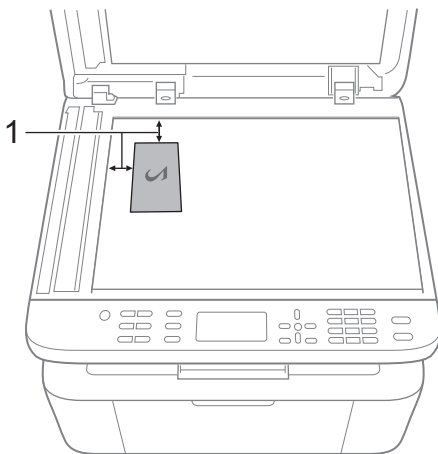
1 4 mm trở lên (trên đầu, bên trái)

- Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Nhập số bản sao bạn muốn.

- 8 Bấm **Start (Bắt đầu)** để quét.

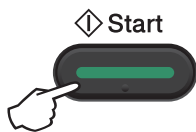


- 9 Lật thẻ nhận dạng và đặt nó ở bên trái của kính máy quét.



1 4 mm trở lên (trên đầu, bên trái)

- 10 Bấm **Start (Bắt đầu)** để quét.



- 3 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 4.2in1/1in1 (2trong1/1trong1). Bấm **OK**. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 1in1 (1trong1) cho phô tô một mặt như là mặc định. Bấm **OK** rồi bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

- 4 (Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Bấm **COPY (PHÔ TÔ)**.



- 5 (Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Nhập số bản sao bạn muốn.

(Đối với DCP-1510 và DCP-1511)  
Bấm ▲ hoặc ▼ để nhập số bản sao bạn muốn.

- 6 Đặt thẻ nhận dạng *úp xuống* trên kính máy quét.

- 7 Bấm **2 in 1 (ID) Copy (Phô tô 2 trong 1 (thẻ ID))**.

## Phô tô thẻ ID một mặt

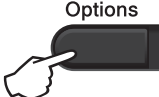

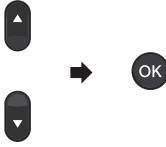
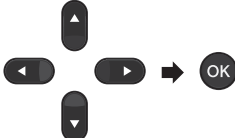

- 1 (Đối với MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)  
Bấm **Menu**, **3**, **4** và đi đến bước 3.


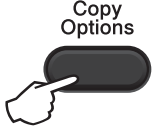
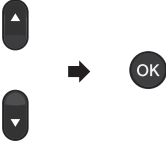
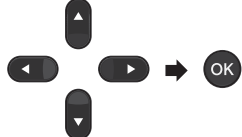
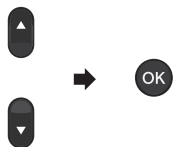
(Đối với DCP-1510 và DCP-1511)  
Bấm **Menu** sau đó bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 2.Copy (Phô tô).  
Bấm **OK**.

- 2 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn 4.ID Copy (Phô tô thẻ ID).  
Bấm **OK**.

## Các tùy chọn phô tô khác

Đảm bảo bạn đang ở chế độ COPY. Sử dụng phím **Options (Tùy chọn)** hoặc **Copy Options (Tùy chọn phô tô)** để đặt nhanh các thiết lập phô tô sau đây chỉ cho lần phô tô tiếp theo.

<p><b>Bấm</b></p> <p>(Chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)</p>  <p><b>Options</b></p> <p>(Chỉ DCP-1510 và DCP-1511)</p>  <p><b>Copy Options</b></p>	<p><b>Lựa chọn menu</b></p> <p><b>Bấm ▲ hoặc ▼ rồi bấm OK</b></p> 	<p><b>Tùy chọn</b></p> <p>(Chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)</p> <p><b>Bấm ▲, ▼, ◀ hoặc ▶ rồi bấm OK</b></p>  <p>(Chỉ DCP-1510 và DCP-1511)</p> <p><b>Bấm ▲ hoặc ▼ rồi bấm OK.</b></p> 
	<p>Quality (Chất lượng)</p>	<p><b>Auto (Tự động)*</b></p> <p>Text (Văn bản)</p> <p>Photo (Ảnh)</p> <p>Receipt (Biên nhận)</p>
	<p>Stack/Sort (Xếp chồng/Sắp xếp)</p>	<p><b>Stack (Xếp chồng)*</b></p> <p>Sort (Sắp xếp)</p>
	<p>Brightness (Độ sáng)</p>	<p>-■□□□+</p> <p>-□■□□+</p> <p>-□□■□+*</p> <p>-□□□■+</p> <p>-□□□□■+</p>
	<p>Contrast (Độ tương phản)</p>	<p>-■□□□+</p> <p>-□■□□+</p> <p>-□□■□+*</p> <p>-□□□■+</p> <p>-□□□□■+</p>
<p>Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.</p>		

Bấm	Lựa chọn menu	Tùy chọn
<p>(Chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)</p>  <p>(Chỉ DCP-1510 và DCP-1511)</p> 	<p>Bấm ▲ hoặc ▼ rồi bấm OK</p> 	<p>(Chỉ MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)</p> <p>Bấm ▲, ▼, ◀ hoặc ▶ rồi bấm OK</p>  <p>(Chỉ DCP-1510 và DCP-1511)</p> <p>Bấm ▲ hoặc ▼ rồi bấm OK.</p> 
	<p>Enlarge/Reduce (Phóng to/Thu nhỏ)</p> <p>Page Layout (Bố cục Trang)</p>	<p><b>100%*</b></p> <p>200%</p> <p>Auto (Tự động) <sup>1</sup></p> <p>Custom(25-400%) (Tùy chỉnh(25-400%))</p> <p>50%</p> <p>78% LGL-LTR <sup>2</sup></p> <p>83% LGL-A4 <sup>2</sup></p> <p>91% Full Page (91% Toàn trang)</p> <p>94% A4-LTR</p> <p>97% LTR-A4</p> <p><b>Off(1 in 1) (Tắt(1 trong 1))*</b></p> <p>2 in 1 (P) (2 trong 1 (P))</p> <p>2 in 1 (L) (2 trong 1 (L))</p> <p>4 in 1 (P) (2 trong 1 (P))</p> <p>4 in 1 (L) (2 trong 1 (L))</p>
<p>Thiết lập của nhà sản xuất được hiển thị bằng chữ In đậm kèm dấu sao.</p>		

<sup>1</sup> Tự động đặt để máy tính toán tỉ lệ thu nhỏ phù hợp nhất với khổ giấy. Tự động chỉ khả dụng khi sử dụng ADF.

<sup>2</sup> "LGL-LTR" và "LGL-A4" chỉ được hiển thị trên các mẫu máy MFC.

## Quét tài liệu dưới dạng tập tin PDF bằng cách sử dụng ControlCenter4

(Để biết thêm thông tin: >> Hướng dẫn sử dụng phần mềm: *Scanning (Quét)*)


### LƯU Ý

Màn hình trên máy tính có thể khác nhau tùy theo model của bạn.

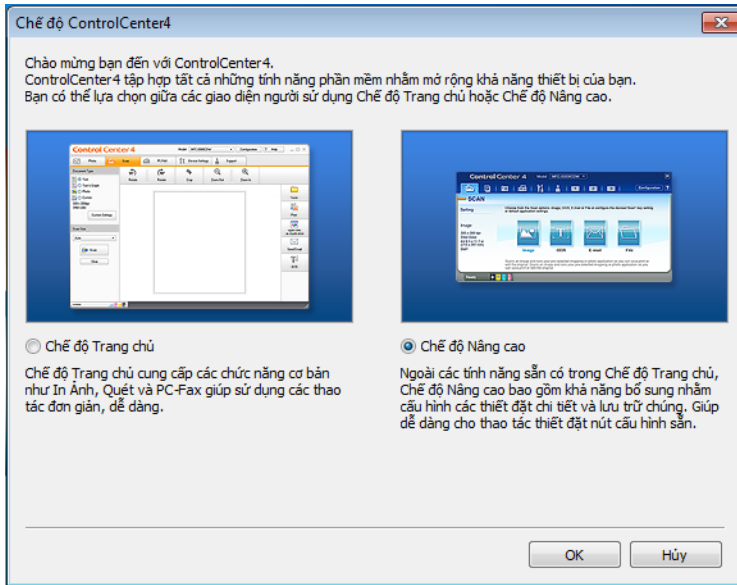
ControlCenter4 là một tiện ích phần mềm cho phép bạn nhanh chóng và dễ dàng truy cập các ứng dụng bạn sử dụng thường xuyên nhất.

- 1 Nạp tài liệu của bạn.
- 2 Thực hiện một trong các bước sau:  
(Windows® XP, Windows® Vista và Windows® 7)

Mở ControlCenter4 bằng cách bấm  (**Bắt đầu**)/**All Programs (Tất cả chương trình)**/**Brother/XXX-XXXX** (trong đó XXX-XXXX là tên model của bạn)/**ControlCenter4**. Ứng dụng ControlCenter4 sẽ mở.  
(Windows® 8)

Bấm  (**Brother Utilities**), sau đó bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **QUÉT** trong thanh điều hướng bên trái, sau đó bấm **ControlCenter4**. Ứng dụng ControlCenter4 sẽ mở.

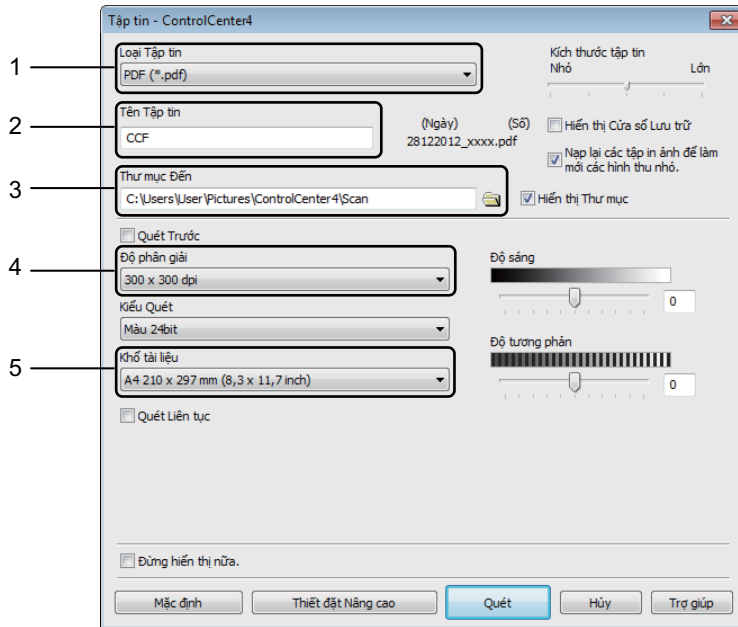
3 Chọn **Chế độ Nâng cao** rồi bấm **OK**.




4 Bấm **Tập tin** trong tab **Quét**.








- 1 Chọn **PDF (\*.pdf)** từ danh sách thả xuống File Type (Loại tập tin).
- 2 Bạn có thể nhập tên tập tin bạn muốn sử dụng cho tài liệu.
- 3 Bạn có thể lưu tập tin vào thư mục mặc định hoặc chọn thư mục ưu tiên của bạn bằng cách bấm vào nút  (**Duyệt**).
- 4 Bạn có thể chọn độ phân giải quét từ danh sách thả xuống **Độ phân giải**.
- 5 Bạn có thể chọn khổ tài liệu từ danh sách thả xuống **Khổ tài liệu**.

**5** Bấm **Quét**.  
 Máy bắt đầu quá trình quét. Thư mục lưu dữ liệu được quét sẽ tự động mở.

## Quét bằng cách sử dụng phím SCAN



### LƯU Ý

Nếu bạn muốn sử dụng chức năng này, hãy cài đặt phần mềm MFL-Pro Suite và kết nối máy của bạn với máy tính qua cáp USB.

- 1 Nạp tài liệu của bạn. (Xem *Cách nạp tài liệu* >> trang 33.)
- 2 Bấm  (**SCAN (QUÉT)**).
- 3 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn *Scan to PC* (Quét vào máy tính).  
Bấm **OK**.
- 4 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn một loại quét (*File* (Tập tin), *E-mail* (Email) hoặc *Image* (Hình ảnh).)  
Bấm **OK**.
- 5 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn *Start Scan* (Bắt đầu quét).  
Bấm **OK**.
- 6 Bấm **Start (Bắt đầu)**.  
Máy bắt đầu quá trình quét.

### Thiết lập phím SCAN

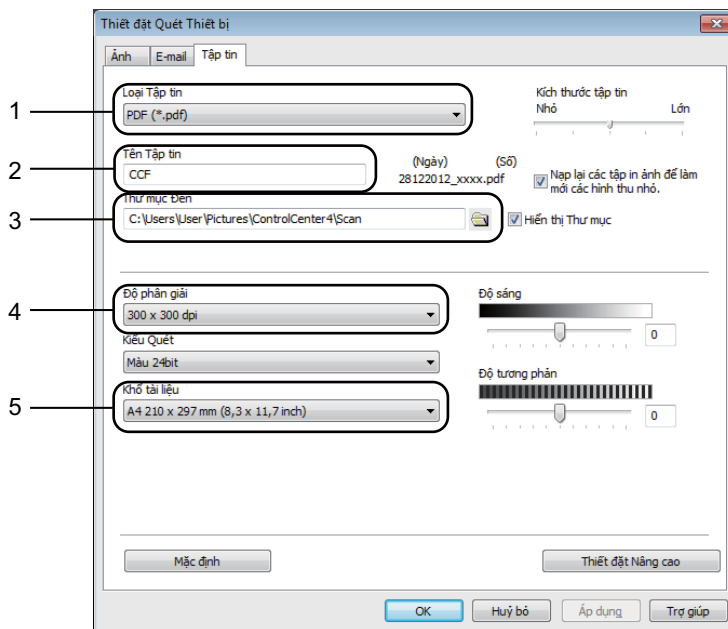
Bạn có thể thay đổi thiết lập phím **SCAN (QUÉT)** của máy bằng *ControlCenter4*.


- 1 Thực hiện một trong các bước sau:  
(Windows® XP, Windows® Vista và Windows® 7)  
  
Mở *ControlCenter4* bằng cách bấm  (**Bắt đầu**)/**All Programs (Tất cả chương trình)**/**Brother/XXX-XXXX** (trong đó XXX-XXXX là tên model của bạn)/**ControlCenter4**.  
Ứng dụng *ControlCenter4* sẽ mở.  
(Windows® 8)  
  
Bấm  (**Brother Utilities**), sau đó bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **QUÉT** trong thanh điều hướng bên trái, sau đó bấm **ControlCenter4**.  
Ứng dụng *ControlCenter4* sẽ mở.
- 2 Bấm tab **Thiết đặt Thiết bị**.

3 Bấm **Thiết đặt Quét Thiết bị**.



4 Chọn tab **Tập tin**. Bạn có thể thay đổi thiết lập mặc định.



- 1 Bạn có thể chọn loại tập tin từ danh sách thả xuống .
- 2 Bạn có thể nhập tên tập tin bạn muốn sử dụng cho tài liệu.
- 3 Bạn có thể lưu tập tin vào thư mục mặc định hoặc chọn thư mục ưu tiên của bạn bằng cách bấm vào nút  (**Duyệt**).
- 4 Bạn có thể chọn độ phân giải quét từ danh sách thả xuống **Độ phân giải**.
- 5 Bạn có thể chọn khổ tài liệu từ danh sách thả xuống **Khổ tài liệu**.

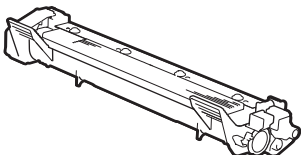
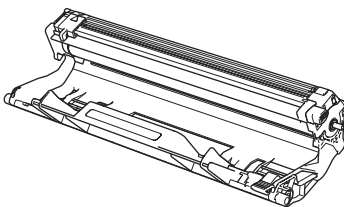
5 Bấm **OK**.

# A

## Khắc phục sự cố và thông tin khác

### Các mực tiêu hao

Bộ trống mực và hộp mực là hai vật tư tiêu hao riêng biệt. Đảm bảo rằng cả hai được lắp đặt thành một cụm. Để biết thêm thông tin về cách thay các mực tiêu hao, hãy xem hướng dẫn đi kèm với bộ trống mực đối với thay bộ trống mực hoặc xem hướng dẫn trên vỏ hộp mực đối với thay hộp mực.

Hộp mực	Bộ trống mực
Tên model: TN-1010	Tên model: DR-1010
	

### QUAN TRỌNG

- Máy Brother được thiết kế để hoạt động với mực in có thông số kỹ thuật cụ thể và sẽ hoạt động đến mức hiệu năng tối ưu khi được sử dụng với hộp mực Brother Original. Brother không thể đảm bảo hiệu năng tối ưu này nếu mực in hoặc hộp mực có thông số kỹ thuật khác được sử dụng. Máy có thể không phát hiện đúng được mực in hoặc hộp mực có thông số kỹ thuật khác mà thay vào đó, có thể phát hiện các mực đó là hộp mực hiệu suất chuẩn. Do đó Brother không khuyến nghị sử dụng hộp mực không phải là hộp mực Brother Original với máy này, hay đổ đầy hộp mực hết bằng mực in từ các nguồn khác. Nếu bộ trống mực hoặc các bộ phận khác của máy này bị hỏng do sử dụng mực in hoặc hộp mực không phải sản phẩm của Brother Original và các sản phẩm này không tương thích hoặc không phù hợp với máy này thì việc sửa chữa sẽ không được bảo hành.
- Để có hiệu năng tốt nhất, hãy sử dụng bộ trống mực và mực in Brother Original. In bằng bộ trống mực hoặc bộ mực in của bên thứ ba có thể làm giảm không chỉ chất lượng in mà còn cả chất lượng và tuổi thọ của máy. Phạm vi bảo hành có thể không áp dụng cho các vấn đề gây ra bởi sử dụng bộ trống mực hoặc bộ mực in của bên thứ ba.

### LƯU Ý

- Thải bỏ các mực tiêu hao đã sử dụng theo quy định của địa phương, tách riêng chúng với rác thải sinh hoạt. Nếu bạn có thắc mắc, hãy gọi đến văn phòng phụ trách thải rác ở địa phương. Hãy nhớ niêm phong kín lại các mực tiêu hao để vật liệu bên trong không tràn ra.
- Tuổi thọ dự kiến cho mỗi hộp mực dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Tần suất thay thế sẽ khác nhau tùy theo độ phức tạp của trang in, tỉ lệ kín của văn bản và loại vật liệu được sử dụng.
- Sự sẵn có của hộp mực khác nhau tùy theo từng quốc gia. Xin truy cập Brother Solutions Center tại <http://solutions.brother.com/> hoặc liên hệ với văn phòng Brother tại địa phương của bạn để biết thêm chi tiết.

## Xác định vấn đề của bạn

Trước hết, hãy kiểm tra những điều sau đây:

- Dây nguồn của máy được kết nối đúng và máy đã bật.
- Tất cả các bộ phận bảo vệ đã được tháo.
- Giấy được nạp đúng vào khay giấy.
- Cáp giao diện được kết nối chắc chắn với máy và máy tính.

Nếu bạn không giải quyết được vấn đề với những kiểm tra trên, hãy xác định vấn đề của bạn, sau đó truy cập trang được đề xuất bên dưới:

*Các vấn đề Điện thoại và Fax (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815) >>> trang 64*

*Cải thiện chất lượng in >>> trang 66*

Nếu máy được kết nối với máy tính, tùy theo lỗi, một ứng dụng bật lên có thể xuất hiện trên máy tính.

Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để khắc phục lỗi.

# Thông báo lỗi và bảo dưỡng

Lỗi thường gặp nhất và các thông báo bảo dưỡng được trình bày bên dưới.

Nếu bạn cần trợ giúp thêm, Brother Solutions Center cung cấp các Câu hỏi thường gặp và gợi ý khắc phục sự cố mới nhất:

Truy cập trang web của chúng tôi tại <http://solutions.brother.com/>.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Cartridge Error (Lỗi Hộp mực) Put the Toner Cartridge back in. (Đặt lại Hộp mực in vào)	Hộp mực được lắp không đúng. Kiểm chứng rằng bạn đang sử dụng hộp mực Brother chính hãng.	Đặt hộp mực chắc chắn vào bộ trống mực, sau đó đặt nó trở lại vào máy. Chỉ sử dụng bộ trống mực Brother Original và hộp mực Brother Original chính hãng.
Comm.Error (Lỗi truyền thông)	Chất lượng đường dây điện thoại kém đã gây ra lỗi truyền thông.	Thử gửi lại fax.
Cooling Down (Làm nguội) Wait for a while (Xin chờ một lát)	Bên trong máy rất nóng.	Máy sẽ tạm dừng tác vụ in hiện tại và vào chế độ Làm nguội. Chờ cho đến khi máy ở chế độ Sẵn sàng.
Disconnected (Đã ngắt kết nối)	Người bên kia hoặc máy fax của người bên kia đã dừng cuộc gọi.	Thử gửi hoặc nhận lại.
Document Jam (Kẹt tài liệu)	Tài liệu không được đưa vào hoặc nạp đúng cách, hoặc tài liệu được quét từ ADF quá dài.	Kéo giấy bị kẹt ra khỏi bộ ADF. (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)
Drum End Soon (Trống Tờ Hết Sớm) Replace Drum (Thay Mực)	Đã đến lúc thay bộ trống mực. Bộ đếm của bộ trống mực đã không được đặt lại khi trống mực mới được lắp đặt.	Thay bộ trống mực hoặc đặt lại bộ đếm của bộ trống mực khi trống mực mới được lắp đặt. (Xem hướng dẫn được cung cấp kèm bộ trống mực mới.)

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Out of Memory (Hết Bộ nhớ)	Bộ nhớ của máy đầy.	<p><b>Gửi fax hoặc thao tác phôi tô đang diễn ra</b></p> <p>Thực hiện một trong các bước sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Bấm <b>Start (Bắt đầu)</b> để gửi hoặc phôi tô các trang đã quét.</li> <li>■ Bấm <b>Stop/Exit (Dừng/Thoát)</b> và chờ cho đến khi các thao tác đang diễn ra khác kết thúc, sau đó thử lại.</li> </ul> <p><b>Thao tác in đang diễn ra</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Bấm <b>Stop/Exit (Dừng/Thoát)</b>. Máy sẽ hủy tác vụ in và xóa tác vụ in khỏi bộ nhớ.</li> <li>■ Giảm chất lượng in.</li> </ul> <p>(&gt;&gt; Hướng dẫn sử dụng phần mềm: <i>Printing (In)</i> (đối với Windows®) hoặc <i>Printing and Faxing (In và Fax)</i> (đối với Macintosh))</p>
Self-Diagnostic (Tự chẩn đoán)	<p>Nhiệt độ của khối sấy không tăng đến nhiệt độ quy định trong thời gian quy định.</p> <p>Khối sấy quá nóng.</p>	Tắt máy, chờ vài giây, sau đó bật lại máy. Để máy bật mà không hoạt động trong 15 phút.
Toner Low (Mực sắp hết)	Nếu màn hình LCD hiển thị Toner Low (Mực sắp hết) bạn vẫn có thể in; tuy nhiên, máy báo cho bạn rằng hộp mực sắp hết hạn sử dụng.	Đặt hàng hộp mực mới ngay để hộp mực thay thế sẽ sẵn có khi màn hình LCD hiển thị Replace Toner (Thay thế Mực in) hoặc Toner Ended (Mực in đã hết).

## LƯU Ý

Tắt máy sẽ xóa dữ liệu fax trong bộ nhớ. Để tránh bị mất các thông điệp quan trọng, xin xem *Truyền fax hoặc báo cáo Nhật ký fax (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)* >>> trang 74.

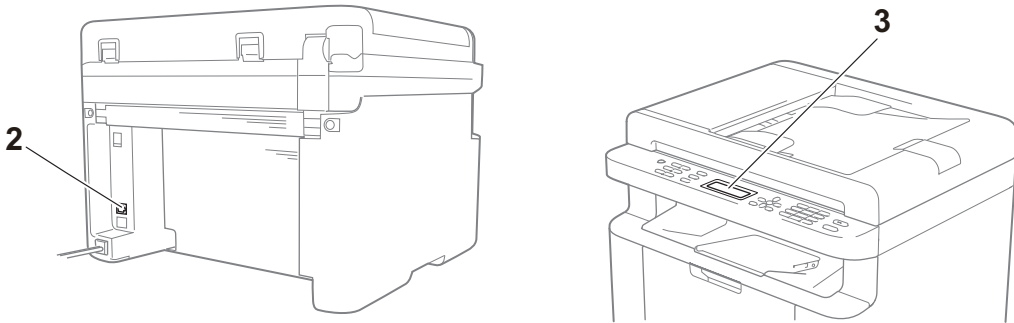
# Nếu bạn đang gặp vấn đề với máy

Hầu hết các vấn đề đều có thể được bạn giải quyết một cách dễ dàng. Nếu bạn cần trợ giúp thêm, Brother Solutions Center cung cấp các Câu hỏi thường gặp và gợi ý khắc phục sự cố mới nhất.

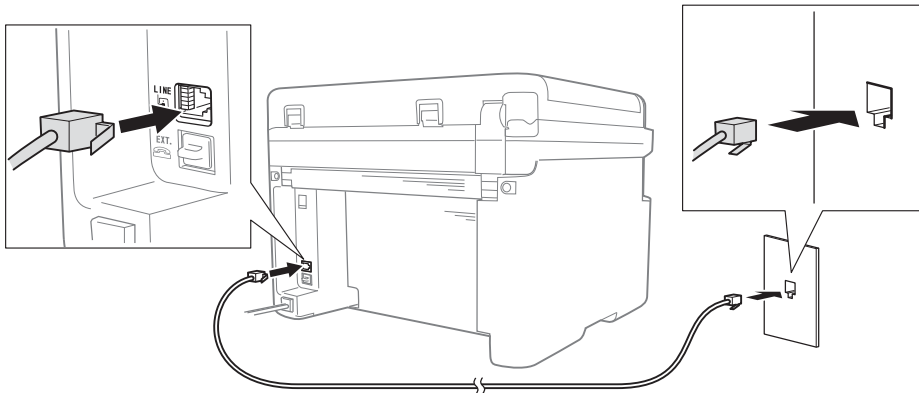
Truy cập trang web của chúng tôi tại <http://solutions.brother.com/>.

## Các vấn đề Điện thoại và Fax (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)

Nếu bạn không thể gửi hoặc nhận fax, hãy kiểm tra những điều sau:



- 1 Kiểm tra xem dây nguồn của máy có được kết nối đúng không và máy đã bật chưa.
- 2 Nối một đầu của dây điện thoại với vùng có nhãn "LINE", sau đó nối đầu còn lại của dây điện thoại vào ổ cắm điện thoại trên tường.



Nếu bạn có thể gửi và nhận fax khi đường dây điện thoại được nối trực tiếp với máy fax thì vấn đề có thể không liên quan đến máy. Vui lòng liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn về các vấn đề kết nối.

- 3 Kiểm tra chế độ nhận.

Để biết thêm thông tin về Chế độ nhận, hãy xem *Các chế độ nhận* >> trang 37.



4 Thay đổi thiết đặt tương thích thành **Basic (for VoIP)** (Cơ bản (cho VoIP)).

Có thể bạn sẽ gửi và nhận được fax bằng cách giảm tốc độ kết nối.

- 1 Bấm **Menu, 2, 0, 1**.
- 2 Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn **Basic (for VoIP)** (Cơ bản (cho VoIP)).
- 3 Bấm **OK**.
- 4 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

Nếu sau khi thử tất cả các giải pháp trên, vấn đề vẫn không được giải quyết, hãy tắt máy rồi bật lại.



Nếu bạn vẫn không thể gửi hoặc nhận fax sau khi thử tất cả các giải pháp trên hãy xem Câu hỏi thường gặp trên trang web Brother Solutions Center (<http://solutions.brother.com/>).

### Khắc phục sự cố đối với các vấn đề khác

Câu hỏi	Trả lời
Không thể nhận fax.	Nếu bạn có đường dây fax riêng và muốn máy Brother tự động trả lời tất cả các fax đến, bạn nên chọn <b>Fax Only (Chỉ Fax)</b> .
Tôi có thể đặt để máy không in báo cáo Xác nhận truyền tải không?	Sản phẩm này sẽ in một báo cáo Xác nhận truyền tải. Ngay cả nếu báo cáo Xác nhận truyền tải được đặt là <b>Off (Tắt)</b> thì một báo cáo vẫn được in ra khi có lỗi truyền thông.  Nếu <b>Journal Period (Giai đoạn nhật ký)</b> được đặt là <b>Off (Tắt)</b> thì <b>Fax Journal (Nhật ký Fax)</b> không được in.
Tôi có thể hủy tác vụ fax không?	Nhấn <b>Stop/Exit (Dừng/Thoát)</b> để hủy fax, hoặc nhấn <b>Menu 2, 6</b> (chỉ dành cho MFC-1811) hoặc <b>Menu 2, 7</b> (chỉ dành cho MFC-1810 và MFC-1815) để hủy các công việc còn lại.
Chất lượng gửi kém.	Thử thay đổi độ phân giải thành <b>Fine (Mịn)</b> hoặc <b>S.Fine (Siêu mịn)</b> , hoặc vệ sinh máy quét.
Fax gửi đi bị trống.	Đảm bảo rằng bạn đang nạp tài liệu đúng cách. Tài liệu nên được úp xuống khi sử dụng ADF hoặc kính máy quét. Xem <b>Nạp tài liệu</b> >> trang 33.
Có các vạch sọc màu đen khi gửi.	Các vạch sọc màu đen trên fax bạn gửi đi thường là do bụi bẩn hoặc mực bút xóa trên dải kính. Xem <b>Vệ sinh bên trong máy</b> . >> trang 67.

# Cải thiện chất lượng in

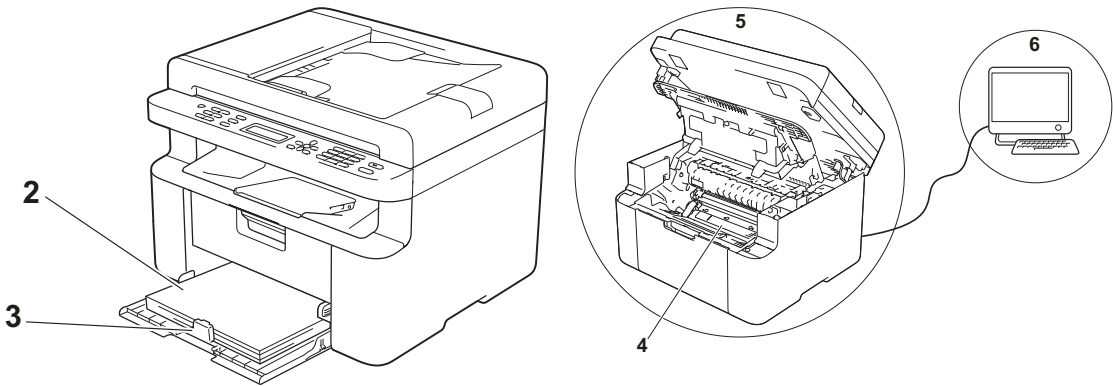
## LƯU Ý

Brother không khuyến nghị sử dụng hộp mực không phải là hộp mực Brother Original hay đổ đầy hộp mực đã sử dụng bằng mực in từ các nguồn khác.

Nếu bạn gặp vấn đề với kết quả in, hãy kiểm tra những điều sau:

### 1 Môi trường của máy.

Chọn một vị trí có nhiệt độ duy trì từ 10°C đến 32,5°C và độ ẩm từ 20% đến 80% (không ngưng tụ).

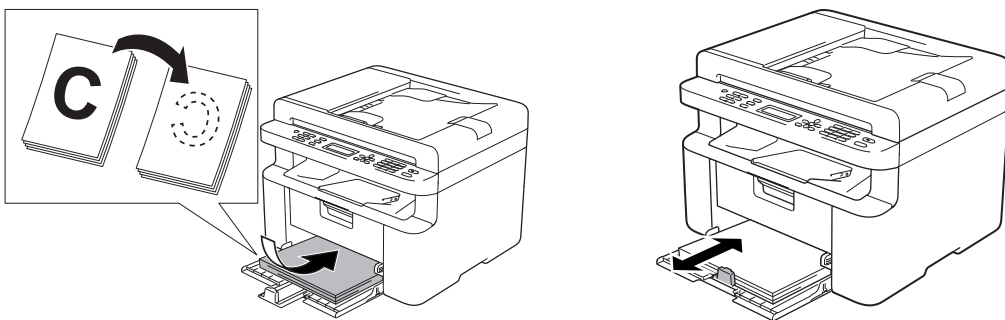


### 2 Giấy được chấp nhận được nạp vào khay giấy.

Xem *Giấy được chấp nhận* >> trang 32

### 3 Giấy được nạp đúng vào máy.

Lật ngược giấy có thể giúp nạp giấy trơn tru hơn. Điều chỉnh thanh dẫn giấy có thể giúp nạp giấy trơn tru hơn.



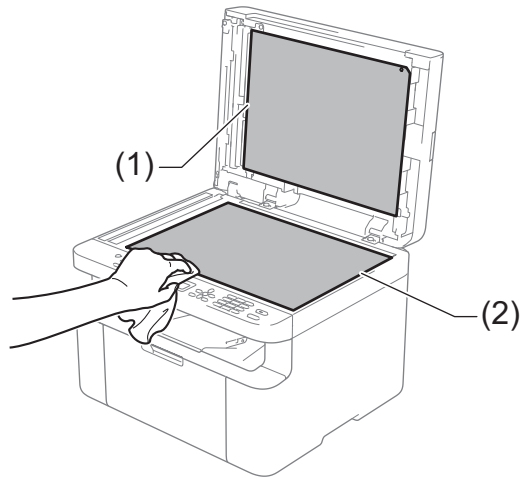
### 4 Thay hộp mực hoặc bộ trống mực.

Để biết thêm thông tin về cách thay các mực tiêu hao, hãy xem hướng dẫn đi kèm với bộ trống mực đối với thay bộ trống mực hoặc xem hướng dẫn trên vỏ hộp mực đối với thay hộp mực.

5 Vệ sinh bên trong máy.

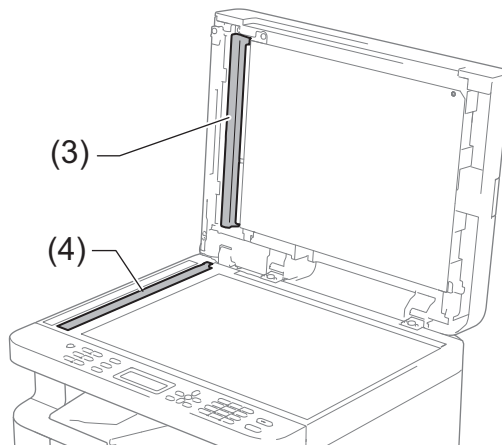
■ Vệ sinh kính máy quét

Vệ sinh bề mặt nhựa trắng (1) và kính máy quét (2).



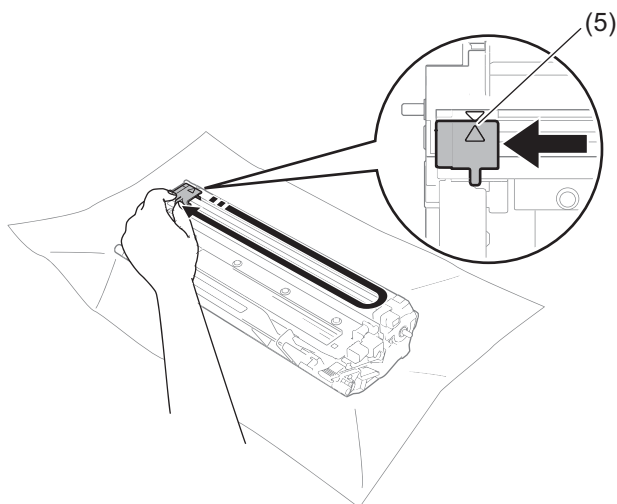
(MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)

Vệ sinh thanh màu trắng (3) và dải kính máy quét (4).



■ Vệ sinh dây cua-roa

Trượt vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái vài lần.

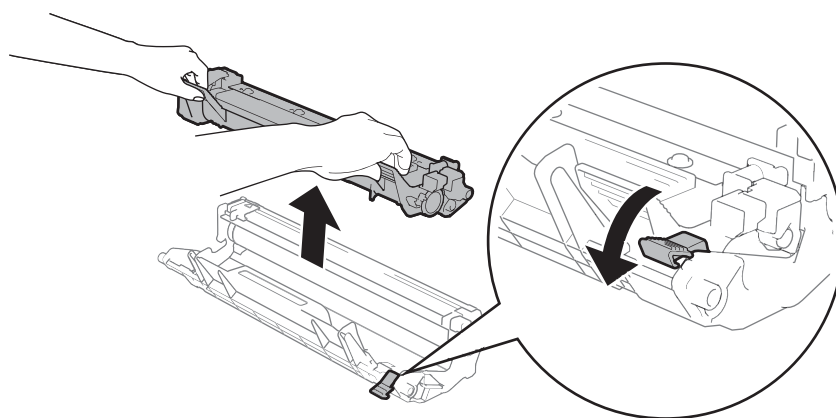


**LƯU Ý**

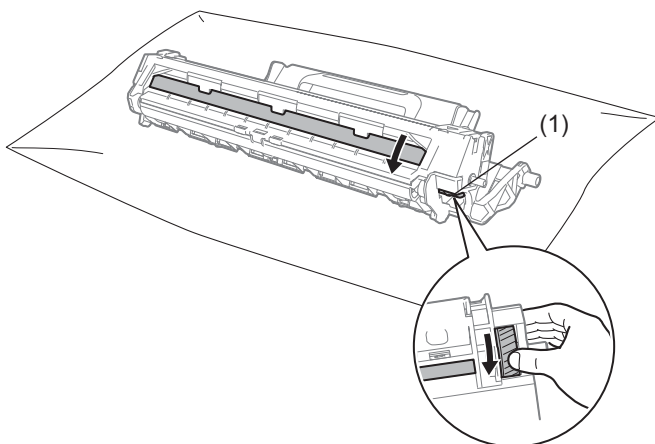
Đảm bảo đưa vấu về đúng vị trí ban đầu (▲) (5). Nếu không, các trang in có thể có các vạch sọc.

■ Vệ sinh bộ trống mực nếu các chấm đen hoặc trắng xuất hiện trên trang in

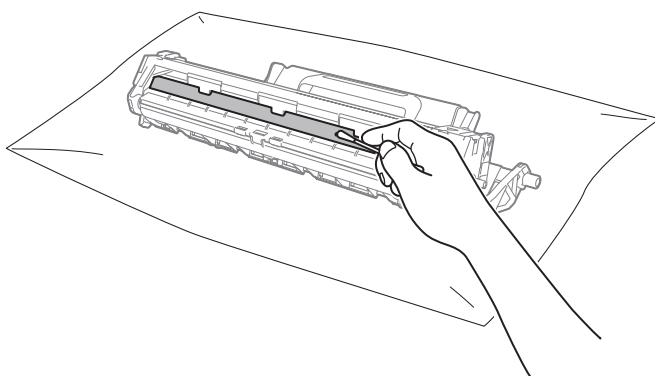
Ấn lẫy khóa xuống và lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực.



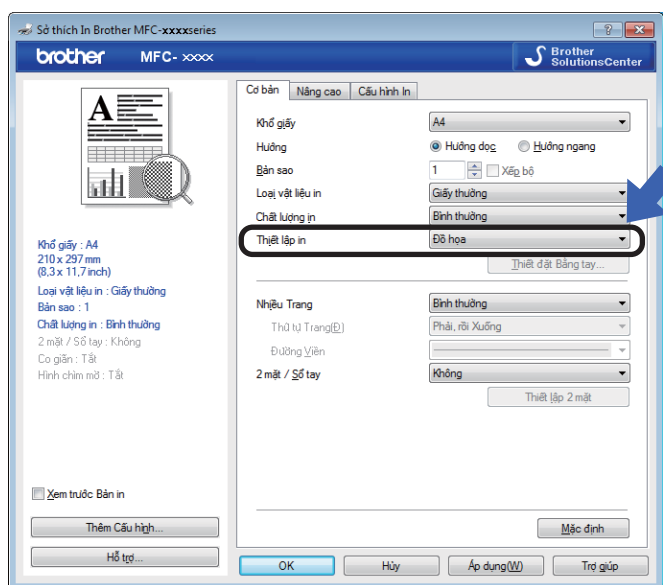
Xoay bánh răng của bộ trống mực bằng tay trong khi nhìn vào bề mặt của con lăn trống mực (1).



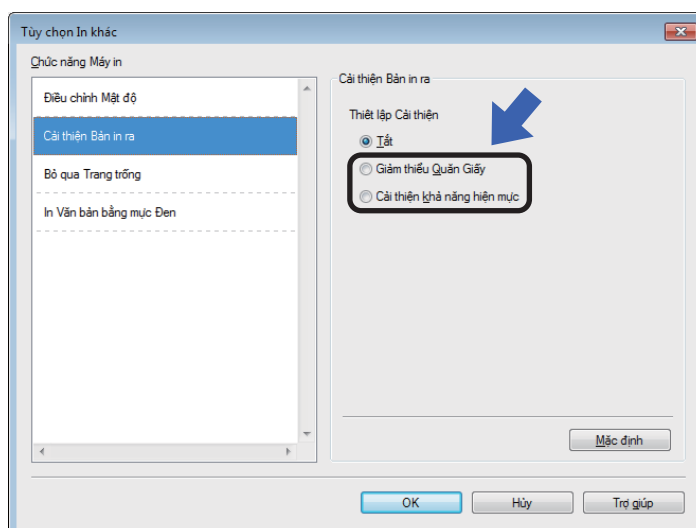
Lau bề mặt trống nhẹ nhàng bằng que tăm bông khô cho đến khi sạch bụi hoặc hồ trên bề mặt.



- 6 Kiểm tra thiết lập trình điều khiển máy in.  
Thử thay đổi **Thiết lập in** trong tab **Cơ bản**.



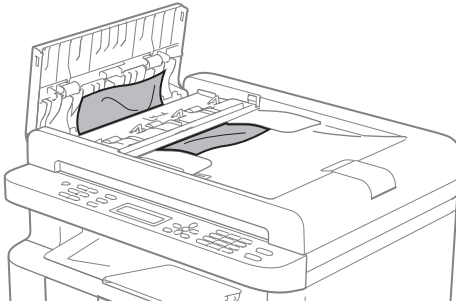
Nếu giấy bị quản hoặc mực in không rõ nét trên giấy, bạn có thể điều chỉnh các thiết lập này trong **Cài thiện Bản in ra**. Bấm **Tùy chọn In khác** trong tab **Nâng cao**.



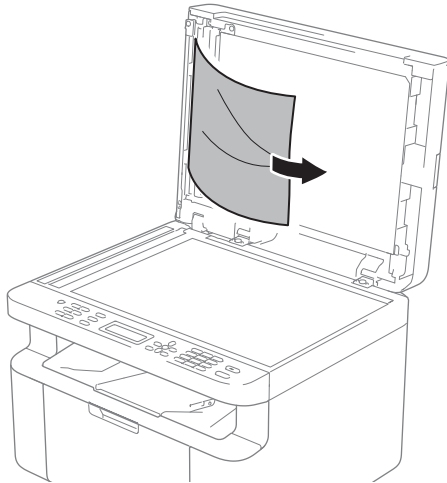
## Kẹt tài liệu (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)

Thực hiện theo các bước bên dưới để xử lý kẹt tài liệu trong ADF.

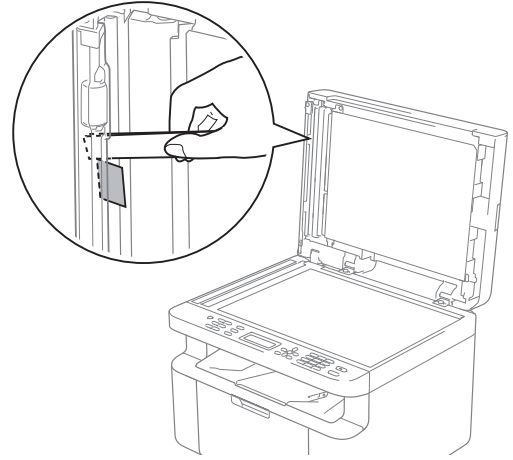
- 1 Mở nắp ADF.
- 2 Kéo tài liệu bị kẹt ra.



- 3 Đóng nắp ADF.
- 4 Nâng nắp tài liệu.
- 5 Kéo tài liệu bị kẹt ra sang phải.



- 6 Chèn một tờ giấy cứng, như bì, vào ADF để đẩy các mảnh giấy vụn ra.



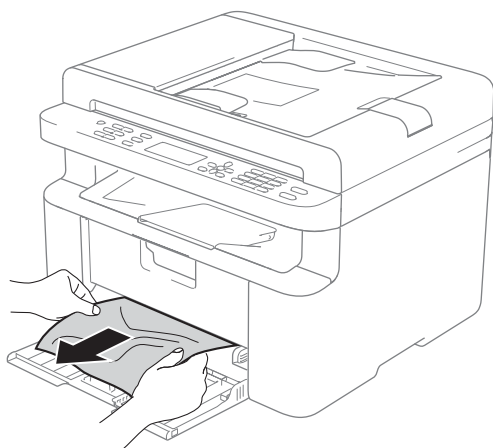
Nếu tài liệu bị xé đôi hoặc rách, hãy đảm bảo rằng bạn lấy ra tất cả các mảnh giấy vụn để tránh kẹt giấy trong tương lai.

- 7 Đóng nắp tài liệu.
- 8 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

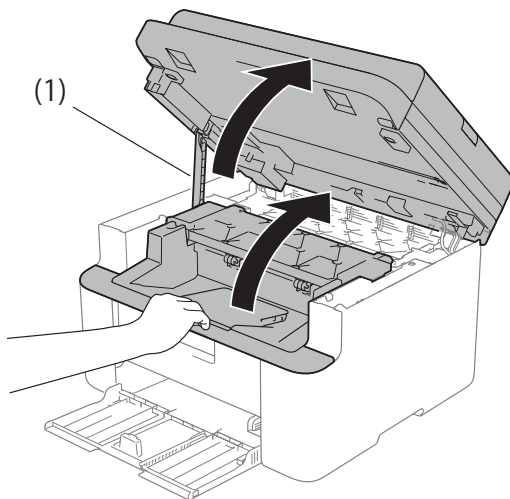
## Kẹt giấy

Luôn lấy tất cả giấy ra khỏi khay giấy và xếp giấy thẳng khi bạn nạp giấy mới. Việc này giúp ngăn ngừa nhiều tờ giấy cùng nạp một lúc vào máy và ngăn ngừa kẹt giấy.

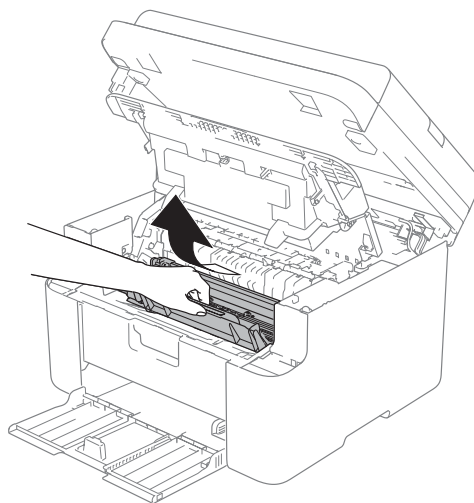
- 1 Tắt máy.
- 2 Hãy chờ ít nhất 15 phút để sản phẩm nguội trước khi chạm vào các bộ phận bên trong của sản phẩm.
- 3 Lấy ra tất cả giấy đã nạp vào khay.
- 4 Sử dụng cả hai tay để từ từ kéo giấy bị kẹt ra.



- 5 Mở nắp máy quét. Cần kéo (1) ở bên trái của máy sẽ khóa. Mở nắp trên.



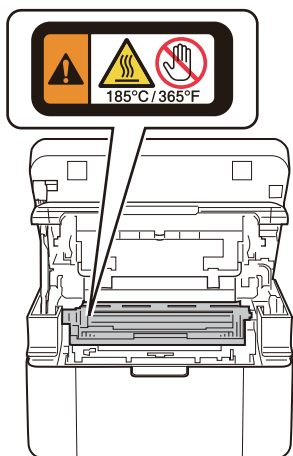
- 6 Từ từ lấy cụm bộ trống mực và hộp mực ra.



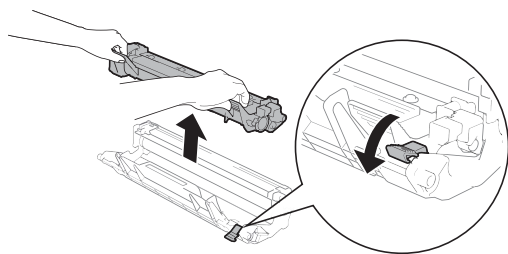


## ⚠ CẢNH BÁO

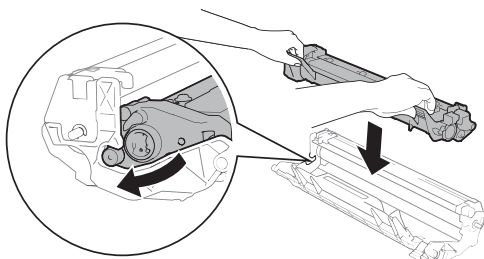
### ⚠ BỀ MẶT NÓNG



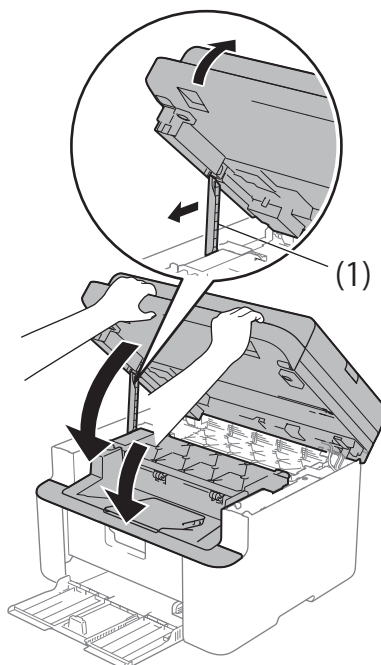
- 7 Ấn lẫy khóa xuống và lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực. Loại bỏ giấy bị kẹt nếu còn một phần giấy bên trong bộ trống mực.



- 8 Đặt hộp mực trở lại vào bộ trống mực cho đến khi lẫy khóa tự động nhảy lên.



- 9 Đặt lại cụm bộ trống mực và hộp mực vào máy.
- 10 Đóng nắp trên. Sau khi kéo cần kéo (1) ở bên trái của máy xuống, đóng nắp máy quét bằng cả hai tay.



- 11 Nạp giấy trở lại vào khay. Đảm bảo rằng giấy nằm bên dưới phần lồi ra của thanh dẫn giấy phía sau. Trượt các thanh dẫn giấy cho vừa vặn với khổ giấy. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy nằm đúng trong các khe.
- 12 Bật máy.

A

# Truyền fax hoặc báo cáo Nhật ký fax (MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815)

Nếu màn hình LCD hiển thị:

- Print Unable (Không thể in) XX
- Scan Unable (Không thể quét)

Chúng tôi khuyên bạn nên truyền fax đến một máy fax khác hoặc đến máy tính. (Xem *Truyền fax đến một máy fax khác* >> trang 74 hoặc *Truyền fax đến máy tính* >> trang 74)

Bạn cũng có thể truyền báo cáo Nhật ký fax để xem có bản fax nào bạn cần truyền hay không. (Xem *Truyền báo cáo Nhật ký fax đến một máy fax khác* >> trang 75.)

## LƯU Ý

Nếu có thông báo lỗi trên màn hình LCD của máy, sau khi fax đã được truyền, hãy ngắt kết nối máy khỏi nguồn điện trong vài phút, sau đó kết nối lại.

## Truyền fax đến một máy fax khác

Nếu bạn chưa thiết lập ID trạm, bạn không thể vào chế độ truyền fax. (Xem *Station ID (ID Trạm)* (**Menu, 0, 3**) trên *0. Cài đặt ban đầu*.)

- 1 Bấm **Menu, 9, 0, 1**.
- 2 Thực hiện một trong các bước sau:
  - Nếu màn hình LCD hiển thị *No Data* (Không có dữ liệu), không có bản fax nào trong bộ nhớ của máy. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.
  - Nhập số fax mà bản fax sẽ được chuyển tiếp đến.
- 3 Bấm **Start (Bắt đầu)**.

## Truyền fax đến máy tính


Bạn có thể truyền fax từ bộ nhớ của máy đến máy tính.

- 1 Đảm bảo rằng bạn đã cài đặt **MFL-Pro Suite** sau đó bật **Nhận PC-Fax** trên máy tính. (>> Hướng dẫn sử dụng phần mềm: *PC-FAX receiving*)

Thực hiện một trong các bước sau: (Windows® XP, Windows® Vista và Windows® 7)

Từ menu  (**Bắt đầu**), chọn

**All Programs (Tất cả chương trình), Brother, MFC-XXXX, Nhận PC-Fax**, và chọn **Nhận**. (XXXX là tên model của bạn.) (Windows® 8)

Bấm  (**Brother Utilities**), sau đó bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Nhận PC-FAX** trong thanh điều hướng bên trái, sau đó bấm **Nhận**.

- 2 Đảm bảo rằng bạn đã đặt **PC Fax Receive (Nhận PC Fax)** trên máy. (Xem *PC-FAX Receive (Chỉ đối với Windows®)* >> trang 43.) Nếu bản fax nằm trong bộ nhớ của máy khi bạn thiết lập **Nhận PC-Fax** thì màn hình LCD sẽ hỏi bạn có muốn truyền fax đến máy tính hay không.
- 3 Thực hiện một trong các bước sau:
  - Để truyền tất cả các bản fax đến máy tính, bấm **1**. Bạn sẽ được hỏi xem có muốn một bản in sao lưu không.
  - Để thoát và rời khỏi bản fax trong bộ nhớ, bấm **2**.
- 4 Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

## Truyền báo cáo Nhật ký fax đến một máy fax khác

Nếu bạn chưa thiết lập ID trạm, bạn không thể vào chế độ truyền fax. (Xem **Station ID** (ID Trạm) (**Menu, 0, 3**) trên *0.Cài đặt ban đầu.*)

- 1 Bấm **Menu, 9, 0, 2**.
- 2 Nhập số fax mà báo cáo Nhật ký fax sẽ được chuyển tiếp đến.
- 3 Bấm **Start (Bắt đầu)**.

## Vệ sinh và Kiểm tra máy

Đảm bảo bạn đã đọc các hướng dẫn trong Hướng dẫn về an toàn sản phẩm trước khi vệ sinh máy.

Thường xuyên vệ sinh bên ngoài và bên trong máy bằng khăn không có-xơ, khô. Khi bạn thay hộp mực hoặc bộ trống mực, hãy nhớ vệ sinh bên trong máy. Nếu các trang in bị giấy mực in, hãy vệ sinh bên trong máy bằng khăn không có-xơ, khô.

### CẢNH BÁO



**KHÔNG** sử dụng các chất dễ cháy, bất kỳ loại tia xịt nào hoặc dung môi/chất lỏng hữu cơ chứa cồn hoặc amoniác để vệ sinh bên trong hay bên ngoài sản phẩm. Làm vậy có thể gây hỏa hoạn hoặc sốc điện. Thay vào đó, chỉ sử dụng khăn mềm không có xơ, khô.

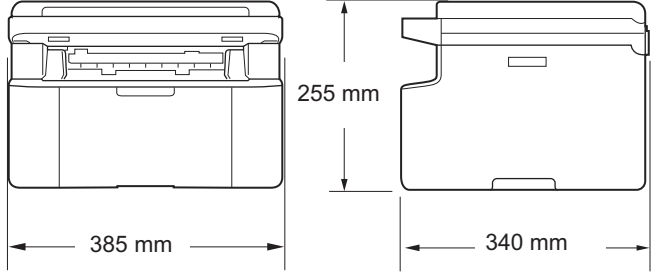
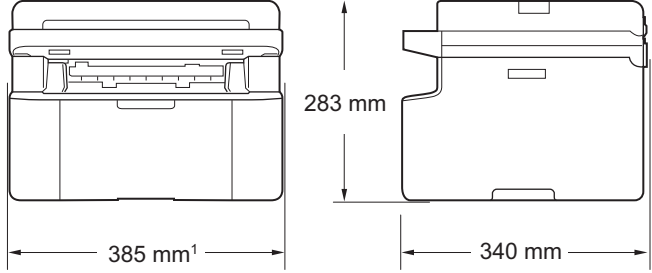
(>> Hướng dẫn về an toàn sản phẩm:  
*Thận trọng chung*)



# B

## Thông số kỹ thuật

### Tổng quan

Model	DCP-1510	DCP-1511	MFC-1810	MFC-1811	MFC-1815
Loại Máy in	Laze				
Phương thức In	Máy in Laze Quang điện tử				
Nguồn Điện	220 - 240 V AC 50/60 Hz				
Tiêu thụ Điện năng <sup>1</sup> (Trung bình)	Cao nhất	Khoảng 1.080 W tại 25 °C			
	Phô tô	Khoảng 380 W tại 25 °C			
	In	Khoảng 380 W tại 25 °C			
	Sẵn sàng	Khoảng 40 W tại 25 °C			
	Ngủ sâu	Khoảng 0,8 W	Khoảng 1,3 W		
	Tắt nguồn <sup>2 3</sup>	Khoảng 0,28 W			
Kích thước	DCP-1510 và DCP-1511				
					
Kích thước	MFC-1810, MFC-1811 và MFC-1815				
					
<sup>1</sup> Đối với MFC-1815, chiều rộng là 456 mm.					

Model			DCP-1510	DCP-1511	MFC-1810	MFC-1811	MFC-1815
<b>Trọng lượng</b> (có vật tư tiêu hao)			7,0 kg		8,0 kg		8,3 kg
<b>Độ ồn</b>	Áp suất Âm thanh	In	LPAM = 51 dB (A)				
	Công suất Âm thanh	In	LWAd = 6,5 B (A)				
<b>Nhiệt độ</b>		Hoạt động	10 đến 32.5 °C				
		Lưu trữ	0 đến 40 °C				
<b>Độ ẩm</b>		Hoạt động	20 đến 80% (không ngưng tụ)				
		Lưu trữ	10 đến 90% (không ngưng tụ)				
<b>Giao diện</b>	USB		USB 2.0 Tốc độ cao <sup>4 5</sup> Chúng tôi khuyến nghị sử dụng cáp USB 2.0 (Loại A/B) không dài quá 2,0 mét.				
<b>Hỗ trợ HĐH</b>	Windows®		Windows® XP Home Edition, Windows® XP Professional, Windows® XP professional x64 Edition, Windows Vista®, Windows® 7, Windows® 8				
	HĐH Mac		Mac OS X v10,6.8, 10,7.x, 10,8.x				
<b>Vật tư tiêu hao</b>	Hộp mực (Trong hộp)		(Đối với DCP-1510, MFC-1810 và MFC-1815) Khoảng 1.000 trang A4 hoặc trang Letter <sup>6</sup> (Đối với DCP-1511 và MFC-1811) Khoảng 1.500 trang A4 hoặc trang Letter <sup>6</sup>				
	Hộp mực (Tiêu chuẩn)		(Đối với DCP-1510, MFC-1810 và MFC-1815) Khoảng 1.000 trang A4 hoặc trang Letter <sup>6</sup> (Đối với DCP-1511 và MFC-1811) Khoảng 1.500 trang A4 hoặc trang Letter <sup>6</sup>				
	Tên Model		TN-1010				
	Bộ trống mực		Khoảng 10.000 trang A4 hoặc trang Letter (1 trang / tác vụ) <sup>7</sup>				
Tên Model		DR-1010					

- 1 Đo khi máy được kết nối với giao diện USB.
- 2 Mức tiêu thụ điện năng khác nhau một chút tùy theo môi trường sử dụng hoặc độ mài mòn bộ phận.
- 3 Đo theo IEC 62301 Ấn bản 2.0.
- 4 Máy của bạn có giao diện USB 2.0 Tốc độ cao. Máy cũng có thể được kết nối với máy tính có giao diện USB 1.1.
- 5 Cổng USB của bên thứ ba không được hỗ trợ.
- 6 Hiệu suất hộp mực xấp xỉ được tuyên bố theo ISO/IEC 19752.
- 7 Tuổi thọ trống mực là xấp xỉ và có thể thay đổi tùy theo cách sử dụng.

## Khổ tài liệu

Model		DCP-1510	DCP-1511	MFC-1810	MFC-1811	MFC-1815
ADF (bộ nạp tài liệu tự động)		—		Lên đến 10 trang		
Kính máy quét		Một tờ một lần				
Khổ tài liệu	ADF	—		A4, Letter, Legal, Folio		
	Kính máy quét	Chiều dài: Lên đến 300,0 mm Chiều rộng: Lên đến 215,9 mm				
Trọng lượng	ADF	—		65 đến 90 gsm		
	Kính máy quét	Lên đến 2kg				

## Vật liệu in

Model			DCP-1510	DCP-1511	MFC-1810	MFC-1811	MFC-1815
<b>Đầu vào giấy</b>	Khay giấy	Loại giấy	Giấy thường, Giấy tái chế				
		Khổ giấy	A4, Letter, Legal, Folio				
		Trọng lượng giấy	65 đến 105 gsm				
		Sức chứa giấy tối đa	Lên đến 150 tờ Giấy thường 80 gsm				
<b>Đầu ra giấy</b>	Khay đầu ra úp xuống	Lên đến 50 tờ Giấy thường 80 gsm (úp xuống để chạy đến khay đầu ra giấy úp xuống)					

# Fax

Model		DCP-1510	DCP-1511	MFC-1810	MFC-1811	MFC-1815
<b>Tốc độ modem</b>		—		14.400 bps (với Tự động dự phòng)		
<b>Chiều rộng quét</b>		—		Tối đa 208 mm		
<b>Chiều rộng in</b>		—		Tối đa 208 mm		
<b>Thang độ xám</b>		—		8 bit/256 cấp độ		
<b>Độ phân giải</b>	Ngang	—		8 chấm/mm		
	Dọc	—		Tiêu chuẩn: 3,85 hàng/mm		
		—		Mịn: 7,7 hàng/mm		
		—		Phô tô: 7,7 hàng/mm		
		—		Siêu mịn: 15,4 hàng/mm		
<b>Quay số nhanh</b>		—		99 trạm		
<b>Tự động quay số lại</b>		—		3 lần mỗi 5 phút		
<b>Truyền tải bộ nhớ</b>		—		Lên đến 400 <sup>1</sup> trang		
<b>Tiếp nhận khi hết giấy</b>		—		Lên đến 400 <sup>1</sup> trang		

<sup>1</sup> 'Trang' nghĩa là 'Bảng kiểm tra ITU-T #1' (một loại thư kinh doanh điển hình, có độ phân giải tiêu chuẩn, mã MMR). Thông số kỹ thuật và vật liệu in có thể thay đổi mà không thông báo trước.



## Phô tô

Model	DCP-1510	DCP-1511	MFC-1810	MFC-1811	MFC-1815
<b>Chiều rộng phô tô</b>	Tối đa 210 mm				
<b>Phô tô nhiều bản</b>	Xếp chồng hoặc Sắp xếp lên đến 99 trang				
<b>Thu nhỏ/Phóng to</b>	25% đến 400% (nấc tăng là 1%)				
<b>Độ phân giải</b>	Lên đến 600 × 600 dpi				
<b>Thời gian phô tô ra lần đầu <sup>1</sup></b>	Dưới 16 giây tại 23 °C / 230 V				

<sup>1</sup> Từ chế độ Sẵn sàng và khay tiêu chuẩn

# Máy quét

Model	DCP-1510	DCP-1511	MFC-1810	MFC-1811	MFC-1815
<b>Màu</b>	Có				
<b>Tuân thủ TWAIN</b>	Có (Windows® XP/ Windows Vista® / Windows® 7 / Windows® 8 / Mac OS X v10.6.8, 10.7.x, 10.8.x <sup>1</sup> )				
<b>Tuân thủ WIA</b>	Có (Windows® XP / Windows Vista® / Windows® 7 / Windows® 8)				
<b>Tuân thủ ICA</b>	Có (Mac OS X v10.6.8, 10.7.x, 10.8.x)				
<b>Độ sâu Màu</b>	Màu	Xử lý màu 24 bit (Đầu vào) Xử lý màu 24 bit (Đầu ra)			
	Thang độ xám	Xử lý màu 8 bit (Đầu vào) Xử lý màu 8 bit (Đầu ra)			
<b>Độ phân giải</b>	Lên đến 19.200 × 19.200 dpi (nội suy) <sup>2</sup>				
	Lên đến 600 × 1200 dpi (quang) <sup>2</sup> (từ Kính máy quét)				
	—		Lên đến 600 × 600 dpi (quang) <sup>2</sup> (từ ADF)		
<b>Chiều rộng quét</b>	Tối đa 210 mm				

<sup>1</sup> Để có bản cập nhật trình điều khiển mới nhất cho phiên bản Mac OS X bạn đang sử dụng, hãy truy cập trang web của chúng tôi tại <http://solutions.brother.com/>.

<sup>2</sup> Tối đa 1200 × 1200 dpi khi quét với trình điều khiển WIA ở Windows® XP, Windows Vista®, Windows® 7 và Windows® 8 (có thể chọn độ phân giải lên đến 19200 × 19200 bằng cách sử dụng tiện ích máy quét)

# Máy in

Model	DCP-1510	DCP-1511	MFC-1810	MFC-1811	MFC-1815
<b>Độ phân giải</b>	Lên đến 2400 × 600 dpi (công nghệ HQ1200)				
<b>Tốc độ in <sup>1</sup></b>	Lên đến 20 trang/phút (khổ A4) Lên đến 21 trang/phút (khổ LTR)				
<b>Thời gian in ra lần đầu <sup>2</sup></b>	Dưới 10 giây tại 23 °C / 230 V				

<sup>1</sup> Tốc độ in có thể thay đổi tùy theo loại tài liệu bạn in.

<sup>2</sup> Từ chế độ Sẵn sàng và khay tiêu chuẩn

# C

## Chỉ mục

<b>A</b>	
ADF (bộ nạp tài liệu tự động) sử dụng .....33	
Apple Macintosh >> Hướng dẫn sử dụng phần mềm.	
<b>B</b>	
Bảng Menu Các model DCP .....23 Các model MFC .....8	
Bảo dưỡng, định kỳ .....75	
Bộ trống mực .....60	
<b>C</b>	
Các mục tiêu hao .....60	
Chất lượng in .....66	
Chế độ Fax/Tel fax detect .....38 nhận fax .....49 thời gian đổ chuông .....38 Thời gian đổ chuông F/T (chuông đôi) ..38	
Chế độ ngủ sâu .....29	
Chế độ, nhập fax .....35	
ControlCenter2 (đối với Macintosh) >> Hướng dẫn sử dụng phần mềm.	
ControlCenter4 (đối với Windows®) >> Hướng dẫn sử dụng phần mềm.	
<b>D</b>	
Đăng ký sản phẩm của bạn .....i	
Điện thoại gắn ngoài, kết nối .....49	
Điện thoại không dây (không phải của Brother) .....49	
Độ phân giải fax .....80 in .....83 phô tô .....81 quét .....82	
Đường dây điện thoại kết nối .....47 nhiều đường-dây (PABX) .....48	
<b>F</b>	
FAX (PC-FAX) Macintosh >> Hướng dẫn sử dụng phần mềm. Windows® gửi ..... 45 nhận ..... 43	
Fax, độc lập gửi ..... 35 quảng bá ..... 35 nhận Chế độ Tiếp tục ..... 30 nhận dễ dàng ..... 38 Thời gian đổ chuông, đặt ..... 38	
<b>G</b>	
Giấy ..... 32	
<b>H</b>	
Hủy tác vụ quảng bá ..... 36 tác vụ quảng bá đang diễn ra ..... 36	
<b>I</b>	
In Độ phân giải ..... 83 Thông số kỹ thuật ..... 83 >> Hướng dẫn sử dụng phần mềm.	

## K

Kẹt	
giấy .....	72
tài liệu .....	71
Kết nối	
điện thoại gắn ngoài .....	49
TAD (máy trả lời) gắn ngoài .....	47
Kết nối nhiều đường-dây (PABX) .....	48
Khắc phục sự cố .....	64
chất lượng in .....	66
Điện thoại và Fax .....	64
các vấn đề khác .....	65
kẹt giấy .....	72
kẹt tài liệu .....	71
thông báo lỗi và bảo dưỡng trên màn hình LCD .....	62
Khổ	
giấy .....	31
Kích thước .....	76
Kính máy quét	
sử dụng .....	33

## L

Lập trình máy của bạn .....	7
Lập trình máy của bạn .....	22
LCD (màn hình tinh thể lỏng) .....	4, 6, 7, 22

## M

Macintosh	
>> Hướng dẫn sử dụng phần mềm.	
máy trả lời (TAD)	
kết nối .....	47
Móc khóa .....	49

## Ô

Ổ cắm	
EXT	
điện thoại gắn ngoài .....	49
TAD (máy trả lời) .....	47

## P

PC-Fax .....	43
>> Hướng dẫn sử dụng phần mềm.	
Phô tô	

Phím tùy chọn .....	4
Phím Tùy chọn phô tô .....	6

## Q

Quảng bá .....	35
Quay số	
Quay số nhanh .....	41
sử dụng phím Tìm kiếm .....	41
thủ công .....	41
Quay số nhanh	
quảng bá .....	35
Quay số nhanh	
sử dụng .....	41
thay đổi .....	40
thiết lập .....	40
sử dụng .....	41
thay đổi .....	40
thiết lập .....	40
Quét .....	55
>> Hướng dẫn sử dụng phần mềm.	
Quét tài liệu vào máy tính .....	55

## S

Sổ địa chỉ .....	5
Số điện thoại Brother .....	i
Sức chứa	
của khay giấy .....	32

## T

TAD (thiết bị trả lời điện thoại), gắn ngoài	
ghi âm OGM .....	48
kết nối .....	47
Tài liệu	
cách nạp .....	33
Thiết lập mực in (Chế độ Tiếp tục) .....	29
Thiết lập từ xa	
>> Hướng dẫn sử dụng phần mềm.	
Thông báo lỗi trên màn hình LCD .....	62
Thông số kỹ thuật .....	76
fax .....	80
in .....	83
khổ tài liệu .....	78
phô tô .....	81
quét .....	82
tổng quan .....	76
vật liệu in .....	79
Thời gian đồ chuông, đặt .....	38
Thủ công	
Quay số .....	41
Tiện ích .....	i
Tổng quan về bảng điều khiển .....	4
Trọng lượng .....	77
Trợ giúp	
Bảng Menu cho các model DCP .....	23
Bảng Menu cho các model MFC .....	8
Thông báo trên màn hình LCD cho các model DCP .....	22
Thông báo trên màn hình LCD cho các model MFC .....	7
Tự động	
nhận fax	
Fax Detect .....	38
Tự động Tắt nguồn .....	29

## V

Văn bản, nhập .....	28
Vệ sinh	
bộ trống mực .....	68
dây cấp điện .....	68
máy quét .....	67

## W

Windows®	
>> Hướng dẫn sử dụng phần mềm.	

# brother®

**Truy cập trang web của chúng tôi**  
**<http://www.brother.com/>**

Các máy này được chấp thuận để sử dụng chỉ ở nơi mua máy. Công ty Brother hoặc đại lý chỉ hỗ trợ các máy được mua ở tại quốc gia máy được bán.



[www.brotherearth.com](http://www.brotherearth.com)